



# PHẬT HỌC

佛學

PHƯƠNG TIỆN TU HỌC PHẬT PHÁP - PHÁT HÀNH HÀNG THÁNG

SỐ 257, NĂM THỨ 21

THÁNG 12-2015



Điện Tử Thư (E-Mail): [huynhaitong@gmail.com](mailto:huynhaitong@gmail.com)

Mạng Nhện Toàn Cầu (World Wide Web): <http://www.nsphathoc.org>



## NGUYỆT SAN PHẬT HỌC

Chủ Biên:

**PHÚC TRUNG**

Thủ Quỹ:

**DIỆU LAN**

Kiểm Soát:

**PHƯỚC SƠN**

Ban Biên Tập:

**BÌNH ANSON**

**CHÂN ĐẠI LƯỢNG**

**MINH HÒA**

**NHÂN CA**

**TÂM KHÔNG**

**TÂM TUỆ TĨNH**

**TUỆ VIÊN**

Cộng Tác:

**CHÍNH HẠNH**

**HÀN TRÚC**

**HỒNG DƯƠNG**

**MINH CHÁNH**

**MINH ĐỨC**

**TRẦN TRUNG ĐẠO**

Kỹ Thuật:

**MINH HÒA**

**NHÂN CA**

## Mục Lục

<u>Hãy tu mau kéo trễ</u>	<i>BBT</i>	3
<u>Pháp môn Tinh đô</u>	<i>HT. Thích Trí Thủ biên tập</i>	4
<u>Pháp cú 298, 299</u>	<i>HT. Thích Minh Châu dịch</i>	13
<u>Thơ: Thả bay</u>	<i>Phổ Đồng</i>	13
<u>Vai trò thích hợp của tôn giáo trong ...</u>	<i>Đức Dalai Lama</i>	14
<u>Thơ: Trăng</u>	<i>Tuệ Sỹ</i>	18
<u>Hành trì Mật tông Tây Tạng tại Việt Nam</u>	<i>Quảng Kiến</i>	19
<u>Hư Hư Lục</u>	<i>Thích Nữ Nhu Thủy</i>	27
<u>Chiếc iphone 6 và Phật Giáo Việt Nam</u>	<i>Hà Mi</i>	28

Tranh bìa

## Hoa Sen

**Đôi lời thưa trước cùng quý tác giả có bài  
đăng trong**

### Nguyệt San Phật Học

Nhằm mục đích hoàng dương Phật Pháp, Nguyệt San Phật Học đăng lại một số bài từ các Tạp Chí, Sách, Báo Phật Giáo. Có những bài không thể liên lạc được với tác giả, xin quý vị hoan hỷ miễn thứ cho.

**Ban Biên Tập  
Nguyệt San Phật Học**

## Hãy tu mau kéo trễ

\*

Người ta thường sách tấn : “Tu mau kéo trễ”, bởi vì con đường tu tập luôn luôn dài, nhưng đời sống con người có hạn, đa số đều tu cả đời vẫn chưa đạt được kết quả như mong muốn.

Khi tu, ai cũng đặt cho mình một mục đích, có kỳ vọng sẽ thành đạt, nhưng cho đến cuối đời, gần như hầu hết vẫn chưa đạt được mục đích, nhiều người nghĩ rằng vì cuộc đời quá ngắn hoặc giả người tu quá muộn, nên không đủ thời gian tu tập, vì vậy người ta nhắc nhở nhau, khuyên bảo nhau: “Tu mau kéo trễ”.

Sự chứng đắc khó ai biết được thời gian cần thiết để tu tập, bởi vì nó cần tới nhiều yếu tố để người tu đạt được kết quả mong muốn, nào là yếu tố chuyên cần, yếu tố tinh tấn, yếu tố tu đúng pháp...

Một người tu thiên cần phải thiên tập hằng ngày, lại phải luyện tập cho tâm được thanh tịnh, thuần lương.

Người tu Tịnh độ, không phải chỉ chuyên hằng ngày niệm Phật mà cũng phải tập luyện cho tâm được thanh tịnh, thuần lương từng giờ, từng phút.

Khi nói đến tu, người ta cũng thường nói đến tu tâm sửa tánh, tức nhiên là cần phải luyện tập cho tâm chẳng những được thanh tịnh mà còn phải thể hiện qua hành động thường ngày.

“Tu mau kéo trễ” có hai nghĩa rõ ràng, một là đối với ai chưa tu phải sớm bước vào con đường tu, hai là đối với ai đang tu phải ra sức công phu tu tập, đừng dãi dầy sanh ra thói chuyển.

Cho nên người tu phải tâm niệm với chính mình câu nói trên để ngày ngày chuyên cần, tinh tấn trên con đường tu học .

BBT/NS/Phật Học

# PHÁP MÔN TỊNH ĐỘ

*Hòa Thượng Thích Trí Thủ biên tập*

(Khởi đăng từ NS Phật Học số 154)

## Chương III Đường Lối Tu Tịnh Độ

### Tiết Thứ 1 Ba Tư Lương: Tín, Nguyện, Hạnh

Pháp môn Tịnh Độ dễ tu nhưng khó tin. Trong kinh "Phật Thuyết A Di Đà", đức Thích Tôn cũng thừa nhận như thế.

Đã thế rồi, pháp môn này lại còn nương tựa hoàn toàn vào lòng tin để thành lập, nương tựa vào lòng tin để duy trì. Có lòng tin mới sanh khởi hành động rồi mới đạt được nguyện vọng nhân viên quả mãn. Nếu không có lòng tin vững chắc thì tuy cửa Phật rộng mở, cũng không dễ gì vào được. Vì vậy nên Tín, Nguyện, Hạnh gọi là ba món tư lương về Tịnh Độ.

Nói "tư lương" cũng như nói người muốn đi xa cần phải có tiền của (tư) và lương thực (lương). Nếu thiếu một trong hai thứ đó thì khó mà đạt được mục đích mình muốn đến. Cũng thế, ba món tư lương cần có để lên đường về Tịnh Độ cũng không thể thiếu một. Hơn nữa, ba món này liên hệ mật thiết với nhau theo thứ tự trước sau tiếp nối sanh khởi. Trước hết phải do có lòng tin thâm thiết mới có sanh nguyện cầu; do nguyện cầu thành khẩn mới hăng hái hành động. Nếu lòng tin không có thì quyết nhiên nguyện và hạnh không thể thành lập được.

Tín là căn bản của người tu hành pháp môn Tịnh Độ.

Thứ nhất, phải tin rằng ba bộ kinh nói về Tịnh Độ là do đức Thích Tôn vì lòng từ bi chân thật mà dạy cho chúng ta, quyết không phải như sách ngụ ngôn giả thiết để khuyên tu.

Thứ hai, phải tin rằng ngoài thế giới ô-úế mà chúng ta hiện sống, chắc thật có thế giới Tịnh Độ trang nghiêm.

Thứ ba, phải tin rằng 48 lời đại nguyện của đức Phật A Di Đà cùng là những công hạnh kiến lập cõi Tịnh Độ của Ngài là chân thật, cũng như việc Ngài đang ứng hóa độ sanh tại cảnh giới Tịnh Độ ấy là chân thật.

Thứ tư, phải tin rằng sanh Tịnh Độ hay uế độ hoàn toàn do nhân quả, hễ trồng nhân uế thì được quả uế; hễ trồng nhân tịnh thì được quả tịnh không liên quan gì đến vấn đề thưởng phạt.

Thứ năm, phải tin rằng chánh niệm của ta cùng tâm niệm của đức A Di Đà chắc chắn cảm ứng với nhau, lâm chung thế nào cũng được Ngài tiếp dẫn vãng sanh.

Thứ sáu, phải tin rằng tuy ác nghiệp của chúng ta có nhiều, nhưng một khi đã sanh về Tịnh Độ, nhờ có hoàn cảnh tốt đẹp thuận tiện, nhờ ơn giáo huấn thường xuyên của Phật và Bồ Tát, ác nghiệp không thể sanh khởi lại và ác báo do đó sẽ lần lần tiêu trừ.

Thứ bảy, phải tin rằng sức mình và sức Phật, cả hai đều bất khả tư nghị. Trong hai sức cùng bất khả tư nghị ấy, sức Phật lại bất khả tư nghị gấp trăm ngàn muôn ức lần hơn, cho nên một khi được tiếp dẫn, sức mình còn kém cỏi thì với sức Phật cũng đủ giúp ta vãng sanh.

Thứ tám, phải tin rằng Phật có vô số pháp môn giải thoát, Phật có công năng kiến lập thế giới trong một mây trần. Giả như chúng sanh trong mười phương đều sanh trong mây trần ấy, hết thầy phòng ốc dụng cụ đều trang nghiêm đầy đủ, không thiếu một thứ gì.

Thứ chín, phải tin rằng khi niệm một tiếng Phật tức thời đức Phật liền nghe và liền thân nhiếp.

Thứ mười, phải tin rằng hễ mình niệm Phật thì chắc chắn lúc lâm chung được Phật và Thánh chúng đến tiếp dẫn vãng sanh về thế giới Cực Lạc, quyết không còn đọa lạc luân hồi trong sáu đường nữa.

Tóm lại, phải tin chắc chắn rằng những lời Phật dạy trong kinh đều chân thật, cần phải thâm tín, tuyệt đối không nên sanh tâm ngờ vực. Lòng ngờ vực là chướng ngại vật không thể vượt qua trên con đường dẫn đến đạo quả. Có lòng ngờ vực rồi thì tất nhiên nguyện và hạnh sẽ không có cứ điểm để sanh khởi. Nếu lòng tin kiên cố, tự nhiên phát nguyện cầu sanh Cực Lạc và đã phát tâm nguyện cầu, tự nhiên chuyên tâm tinh tấn, y pháp hành trì, không đợi ngoại duyên thúc đẩy.

Người đời nhờn vì căn khí bất đồng, cho nên kiến thức cũng bất đồng. Có người cho rằng Tịnh Độ là cõi hư vô không thật, nên không tin. Có người cho rằng chết là mất hẳn,

không có đời sau, nên không tin. Có người cho rằng sanh Đông sanh Tây, chịu khổ hưởng vui là việc ngẫu nhiên, không có việc gây nhơn hưởng quả, nên không tin. Có người cho rằng niệm Phật cầu sanh Tây Phương là lối giả thuyết để khuyên người làm lành tránh dữ, chứ không có cảnh Tây Phương Tịnh Độ. Túng sử có thật thì quyết không thể chỉ niệm ít lần danh hiệu Phật mà được vãng sanh, nên không tin. Có người cho rằng con người vốn đã nặng nghiệp tham, sân si và ích kỷ, dù có sanh về Tịnh Độ thì thói cũ vẫn khó trừ, quyết không thể trong khoảnh khắc biến thành người hiền được, nên không tin. Có người cho rằng con người trong thế gian này tạo nghiệp ác quá nhiều, đương nhiên phải theo từng nghiệp mà thọ quả báo, không thể nhờ vãng sanh mà tiêu trừ tất cả nghiệp dữ trong một lúc, như thế thì không hợp nhân quả, nên không tin. Có người cho rằng mỗi ngày chỉ cần niệm 10 lần danh hiệu Phật mà cũng được vãng sanh, đó là lời nói mơ hồ; giả như tất cả chúng sanh ai nấy đều làm y như thế thì địa ngục hẳn sẽ trống không, thế giới này hẳn không còn người ở, không thể có việc dễ dàng như thế, nên không tin. Có người cho rằng tại quốc độ Cực Lạc, dù cho số phòng ốc dụng cụ có nhiều đến đâu vẫn có số lượng, trong khi ấy thì số chúng sanh được vãng sanh từ vô thủy đến giờ, theo lời Phật dạy là vô lượng, thế mà không bị nạn nhân mãn thì thật là mâu thuẫn; vì thế mà không tin. Có người cho rằng sanh về Tịnh Độ, nghĩ gì có nấy, muốn áo có áo, muốn ăn có ăn, khỏi nhọc công người tạo tác, thật không khác nào lời nói trong mộng; nói như thế chỉ phỉnh phờ được kẻ ngu phu, thất phụ, vì vậy nên không tin. Có người cho rằng tại thế giới Cực Lạc, đất vàng, hồ sen, lâu đài thầy đều

bằng thất bảo, không cần kiến tạo, mà tự nhiên thành tựu, đó là chuyện thần thoại của thời thượng cổ còn sót lại, không hợp với khoa học hiện đại; vì vậy nên không tin, v. v...

Bao nhiêu vấn đề nghi nan tương tự phát sanh trong trí óc mọi người. Số nghi vấn thật là vô lượng, không sức nào chép hết. Ở đây cũng không thể mỗi mỗi giải đáp tường tận từng nghi vấn một. Vì sao? Vì trí thức con người ở cõi này bị hạn cuộc trong một phạm vi nhỏ bé nên đã cố đúc thành một mớ thành kiến cố chấp. Đem cái mớ thành kiến cố chấp ấy mà phán đoán sức thần thông biến hóa của chư Phật, của thế giới Cực Lạc do tịnh thức tổng hợp của vô lượng vô biên vô số chúng sanh phát khởi, thì thật khác nào đem kiến thức của loài sâu kiến mà bàn luận công trình xây dựng và quá trình hoạt động của quốc gia xã hội loài người. Dù cho cùng năm mãn đời, trải qua vô lượng vô số tháng năm, loài sâu kiến cũng không thể nào dùng suy luận của chúng mà hiểu đúng như sự thật được. Chỉ vì sâu kiến không phải là người vậy. Cũng tương tự như thế, chúng ta chưa phải là Phật thì chưa thể nào hiểu thấu sức thần thông và trí huệ của Phật một cách tỏ tường. Đã không thấu rõ được thì dù có suy luận đến cùng năm mãn đời cũng không đem lại kết quả nào. Vì vậy, chúng ta chỉ nên tin lời Phật mà thật hành theo, quyết không bị lầm lạc và để khỏi bỏ phí thì giờ trong hí đàm. Nếu tự phụ là thông minh trí tuệ không chịu tin theo, chung quy sẽ trở lại thua những người thật thà chất phác mà có tín tâm mạnh mẽ. Sở dĩ sanh tâm tự phụ kiêu căng như thế, chẳng qua là phước đức thiển bạc nên mới không thọ nạp được một pháp môn giản dị và rất khó gặp như pháp môn

Tịnh Độ. Thật cũng đáng tiếc lắm thay!

Trên đây, hoàn toàn đứng về phương diện Tín mà nói, chứ chưa đề cập đến hai phương diện Nguyện và Hạnh. Nhưng hễ Tín đã vững chắc thì Nguyện và Hạnh tự nhiên thành tựu, khỏi cần nhắc nhở, khuyến hóa. Vì như khi đã tin chắc rằng trước sân nhà có hầm vàng thì tự nhiên không ai sai bảo, vẫn hăng hái đào bới tìm tòi. Còn nếu nghe nói có hầm vàng mà chưa chịu đi đào là vì lòng tin chưa vững chắc vậy.

## Tiết Thứ 2

### Thập Thiện Là Cơ Bản Tu Hành

Thập thiện là mười điều thiện, thuộc ba nghiệp thân, khẩu, ý.

Thuộc thân nghiệp có ba điều: không sát sanh, không trộm cắp, không dâm dục (nếu là tại gia thì không tà dâm).

Thuộc khẩu nghiệp có bốn điều: không nói láo, không nói lời thêu dệt, không nói hai lưỡi, không nói lời thô bạo.

Thuộc về ý nghiệp có ba điều: không tham lam, không sân hận, không ngu si.

Mười điều này là căn bản phát sanh ra tất cả các điều thiện khác. Đó cũng là nền tảng xây dựng mọi cảnh giới an vui.

Người tu hành mà không tu mười điều thiện này thì không khác kẻ xây lâu đài cao ngàn thước trên vũng bùn xập xệ, quyết không hy vọng thành công.

Đức Phật trong lúc nói kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo đã dạy cho Long Vương rằng:

"Mười thiện nghiệp này có công năng làm cho các pháp như Thập Lực, Tứ Vô Sở Úy, Thập Bát Bất Cộng, tất cả các pháp mà Phật đã chứng, thầy đều được viên mãn. Vì vậy các người cần phải tu học thập thiện. Nay Long Vương! Ví như tất cả thành ấp xóm làng đều y vào đại địa mà an trú, tất cả cỏ cây rừng rú đều y vào đại địa mà sanh trưởng, thì mười điều thiện này cũng vậy. Tất cả thiên nhơn đều y vào "đại địa" thập thiện mà thành lập, tất cả Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát và tất cả Phật pháp cũng đều y vào "đại địa" thập thiện mà thành tựu được các hạnh Bồ-đề".

Trong kinh Quán Vô Lượng Thọ, Phật bảo bà Vi Đề Hy rằng: "Muốn sanh về nước Cực Lạc, phải tu ba phước. Trong ba phước ấy, phước thứ nhất là hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu mười nghiệp thiện".

Vì thế, người tu pháp môn Niệm Phật cần phải tu mười điều thiện để làm cơ bản cho tịnh nghiệp. Nếu đạo niệm không tha thiết, mười thiện nghiệp không tu, thời thiết e khó vắng sanh cảnh giới chư Phật.

Tóm lại, muốn chắc chắn vắng sanh, một mặt cần phải luôn luôn gìn giữ ba nghiệp thân, khẩu, ý chớ để phạm các điều ác; mặt khác lại phải luôn luôn chuyên cần niệm Phật thì mới mong thành tựu viên mãn.

### Tiết Thứ 3 Đôn Đốc Hết Bồn Phận

Đời và đạo có tương quan mật thiết với nhau và giúp lẫn nhau, nhất là đối với hàng Phật tử tại gia chưa thoát ly được gia đình, xã hội.

Ai trong nhiệm vụ nào phải lo tròn nhiệm vụ ấy. Là trưởng quan, phải nhất tâm vì dân vì nước. Là liêu thuộc, phải hết bồn phận của liêu thuộc, trung thành với chức vụ. Là người buôn bán, phải giữ hàng thật giá đúng, đừng lừa trẻ dối già. Là thầy thuốc, phải biết thương xót con bệnh, nâng đỡ kẻ nghèo hèn, và hết lòng điều trị v.v... Nói tóm lại, trong công kỹ nghệ, mỗi mỗi đều phải làm tròn bồn phận, tận tâm với chức vụ, lại vừa lo tích công dồn đức, tu học Phật pháp thì nhất định có ngày giải thoát. Đó là ngoài xã hội.

Trong gia đình lại còn những bồn phận khác. Là cha mẹ, phải nuôi nấng dạy dỗ con cái thành người. Là con cái, phải hết lòng hiếu thảo với cha mẹ. Là vợ chồng, anh em, thầy trò, bầu bạn, hợp với lẽ đời. Có làm tròn hết các bồn phận ấy bấy giờ mới nói đến lẽ đạo. Nếu trái lại, việc đời bấy như tương, tự thân mình chỉ là "y quan cầm thú" (cầm thú mang áo đội mũ) thì làm sao có thể nói đến lẽ Đạo được? Với các sự kiện khách quan và chủ quan thiếu tốt đẹp ấy mà mong thành Phật hoặc cầu sanh nước Phật thời sợ e tịnh nghiệp chưa kịp thành mà nghiệp quả đã chín trước. Tưởng khó tránh khỏi quý vô thường dắt dẫn vào địa ngục, nga quỷ, bàng sanh!

Vì thế, hy vọng rằng toàn thể Phật tử, khi muốn thoát ly sanh tử, tu theo pháp xuất thế, không những không nên xa bỏ việc đời, lấy việc đời làm cơ bản cho đạo, khiến cho đời trở nên tốt đẹp hơn và khiến cho đạo sáng tỏ trong lòng đời. Có như thế, Phật tử tại gia mới mong thành công chắc chắn và mau chóng.

Thảng hoặc, có người trước kia đã trót lỡ tạo

các ác nghiệp, thì hôm nay nên chí thành ăn năn hối cải, nguyện không tái phạm. Cửa Phật rộng mở chờ đón người biết sám hối. Một phen đã sám hối rồi, thì quyết không bao giờ tái phạm trở lại. Hơn nữa, phải cố gắng đền bù tội lỗi trước, bằng cách làm nhiều việc thiện mới. Được như thế thì ác báo sẽ tiêu tan và phước đức sẽ tăng trưởng. Ví như cái chai trước kia đựng thuốc độc, nhưng giờ đây súc chùi sạch sẽ rồi, tự nhiên độc không còn nữa.

### **Tiết Thứ 4** **Rộng Tu Công Đức, Hồi Hướng Quả** **Vãng Sanh**

Trong kinh Quán Vô Lượng Thọ chép: "Phật bảo ngài A Nan và bà Vy Đề Hy rằng nếu có chúng sanh nào nguyện cầu sanh về Tây phương Tịnh Độ, nên phát khởi ba tâm thì liền đặng vãng sanh. Ba tâm ấy là: 1) Chí thành tâm, 2) Thâm tâm, 3) Hồi hướng phát nguyện tâm. Có đủ ba tâm ấy, quyết được vãng sanh về cõi nước kia".

Danh từ "Thâm tâm" trong kinh chỉ cho cái tâm tu hành các công đức và thích làm các điều lành.

Danh từ "hồi hướng phát nguyện tâm" chỉ cho cái tâm muốn đem các công đức đã tu hoặc đem các việc lành đã làm, hướng về quả Cực Lạc để nguyện cầu vãng sanh.

Trong Phật pháp, việc hồi hướng công đức có một giá trị trọng yếu. Đại nguyện thứ 20 của đức Phật A Di Đà đã có nói đến. Vậy xin sơ lược giải thích ý nghĩa của việc hồi hướng công đức như sau:

1. Đức và hiệu của Phật có công năng bất

khả tư nghị.

2. Tâm thức thanh tịnh của chúng sanh có công năng bất khả tư nghị.

3. Tâm niệm của chúng sanh cũng có công năng bất khả tư nghị. Hợp cả ba công năng bất khả tư nghị ấy tạo thành phương pháp Tịnh Độ. Cho nên pháp môn Tịnh Độ cũng bất khả tư nghị.

Trên lý thì hành giả chú tâm niệm Phật là đã đủ vãng sanh, nhưng trong thâm tâm hành giả khi tu pháp môn Tịnh Độ, ngoài sức niệm Phật ra, còn cần phải rộng tu các công đức, hồi hướng quả vãng sanh, là vì:

1) Cần cúng dường đức Phật A Di Đà để trang nghiêm Phật độ.

2) Cần làm các trợ duyên tăng thượng cho đạo quả.

3) Cần phát tâm Đại Thừa học theo hạnh Bồ Tát.

Vì các lẽ trên nên không những chỉ niệm hiệu Phật mà đã cho là đủ được. Bất cứ việc gì cũng không ly được nhơn quả; dù là pháp thế gian hay pháp xuất thế gian. Bất luận tâm niệm thiện hay ác hoặc hành động thiện hay ác đều có hậu quả về sau. Căn cứ vào lẽ ấy, ta có thể biết hành giả tu tập thiện pháp, trong tương lai quyết phải được phước báo. Giả sử điều thiện ấy thuộc loại nhơn hữu lậu nhơn thiên, chứ chưa phải cứu cánh an lạc, vì còn đọa lạc luân hồi. Giả sử điều thiện ấy thuộc loại nhơn vô lậu xuất thế gian thì trong tương lai sẽ sanh về Ngũ bất hoàn thiên (cảnh giới của bốn quả Thánh: Tu-đà-



hoàn, Tư- đà-hàm, A-na-Hàm, A-la-hán) hoặc mười phương Tịnh Độ.

Nếu vì lý do không muốn thọ hưởng quả báo như thiên vì sợ còn luân hồi đọa lạc mà hành giả tự nguyện hồi hướng tất cả công đức của mình hoặc công đức hữu lậu hoặc công đức vô lậu, làm trợ duyên tăng thượng đề cầu vãng sanh Cực Lạc thì phải đem tất cả công đức ấy hồi hướng về quả Cực Lạc của đức A Di Đà. Như thế thì bao nhiêu như gây phước báo như thiên hữu lậu hoặc vô lậu trước kia sẽ không thành thực được mà địa điểm thành thực sẽ chỉ ở thế giới Cực Lạc. Đã quy tụ về được một nơi rồi thì dù tịnh nghiệp chưa hoàn toàn nhưng phước quả vẫn thành tựu. Vì rằng hết thảy các pháp đều do tâm tạo. Tâm lực đã có công năng trồng nghiệp quả thì cũng có công năng chuyển nghiệp quả. Vì thế, khi hành giả hướng tất cả thiện nghiệp về quả Cực Lạc, tâm niệm ấy không những có công năng điều hòa các chủng tử vô lậu đã huân tập trong đệ bát thức, nó lại còn khiến cho các chủng tử ấy biến chất thành chủng tử tịnh pháp hoàn toàn vô lậu. Chủng tử đã quyết định được rồi, như vậy địa điểm tương lai sẽ hưởng thọ quả báo cũng có thể biết trước một cách chắc chắn rồi vậy. Đây là giải thích theo học lý Duy Thức, một nền học lý rất thâm diệu trong Phật pháp.

Trong pháp môn Tịnh Độ, hồi hướng chiếm một địa vị rất trọng yếu. Hành giả quyết phải thâm tín mới có hiệu lực.

Vạn nhất, nếu còn nhứt điểm hồ nghi ở trong lòng thì tâm lực sẽ mất công dụng,

không làm sao chuyển biến được chủng tử trong bát thức. Nếu tâm hồn còn hồ nghi, pháp môn Tịnh Độ sẽ không đem lại hiệu quả nào cho hành giả hết. Kinh dạy: "Còn nghi thì hoa không nở" là chỉ cho duyên có ấy.

Đức Phật A Di Đà biết rõ chủng tử có thể biến từ hữu lậu sang vô lậu, công đức có thể từ cõi này di dịch qua cõi khác, nên mới phát đại nguyện thứ 20. Trăm ngàn năm trở lại đây, các vị đại đức cũng hiểu rõ lý đó, nên mới soạn ra các bài văn phát nguyện hồi hướng Cực Lạc khuyên ta đem công đức tu hành hồi hướng về quả vãng sanh thế giới Cực Lạc.

Hành giả bất luận làm công đức gì, dù chỉ giúp kẻ khó một đồng tiền hay chỉ cứu mạng sống cho một con kiến, sau khi làm xong, cũng phải quán tưởng đức Phật A Di Đà như đương đứng ở trước mặt mà chấp tay cung kính đọc bài kệ hồi hướng sau đây:

*Nguyện đem công đức này  
Trang nghiêm chốn Phật độ  
Trên đền bốn ơn sâu  
Dưới cứu ba đường khổ  
Nếu có kẻ thấy nghe  
Đồng phát tâm Bồ đề  
Nước Cực Lạc cùng về.*

Sau khi đọc bài kệ ấy rồi, bao nhiêu công đức đã làm liền cảm ngay tâm lực của Phật ứng hợp với tâm ta. Sức cảm ứng của hai bên tức là "tư lương" vãng sanh Cực Lạc về sau vậy.

Tất cả công đức hồi hướng, bất luận công đức thuộc loại hữu lậu hay vô lậu, đều trở

thành tư lương vãng sanh, ứng hợp với đại nguyện thứ 20 của đức Phật A Di Đà. Chắc chắn về sau sẽ được toại nguyện không sai.

### Tiết Thứ 5 Cẩn Thận Lúc Lâm Chung

Trong sự chuyển tiếp từ kiếp nọ sang kiếp kia, cái niệm chót (nhất niệm tối hậu) có một lực lượng mãnh liệt quyết định cho việc chuyển sanh. Vì lý do đó nên lúc lâm chung, người tu hành phải làm thế nào để còn nhớ Phật, niệm Phật thì chắc chắn sẽ sanh về cõi Phật.

Kinh "Phật Thuyết A Di Đà" dạy rằng: "Nếu người nào niệm Phật trong bảy ngày được nhất tâm bất loạn, lúc lâm chung, có Phật và Thánh chúng hiện ra trước mặt, người ấy tâm không còn điên đảo và liền được vãng sanh".

Nhất tâm bất loạn nghĩa là ngoài sự nhớ Phật, tưởng Phật, không có một vọng niệm nào xen lẫn ở trong lòng: lòng mình và Phật đã xứng hợp làm một.

Kinh văn đã dạy rõ ràng như thế, đương nhiên tuyệt đối chúng ta phải tin. Có e ngại chẳng là e ngại tịnh nghiệp tu chưa tinh tấn nên phút lâm chung, tâm còn điên đảo khiến khó thấy được Phật tiếp dẫn. Tâm còn điên đảo thì cũng khó mà vãng sanh. Vì vậy trong khi gần lâm chung rất cần có người hai bên trợ niệm. Có kẻ trợ niệm mới dẫn phát tâm người bệnh niệm Phật. Lý do cần thiết lập các ban hộ niệm là thế.

Hiện tại ở các khuôn hội đều có thiết lập ban Hộ Niệm. Bất luận trai gái già trẻ, là Phật tử,

ai ai cũng nên gia nhập vào ban ấy càng đông càng tốt. Hễ khi nào gặp một bệnh nhân lâm nguy, trong ban nên cất phiên thay nhau đến nơi phòng người bệnh, đốt hương niệm Phật. Như vậy, mắt trông thấy tượng Phật, tai nghe tiếng niệm Phật, mũi ngửi mùi hương thơm từ bàn Phật xông ra, người bệnh có đủ duyên sanh khởi tịnh niệm, rất hữu ích cho sự vãng sanh Tịnh Độ.

Nay xin đem những biện pháp của người tu hành cần giữ gìn trong lúc lâm chung, sơ lược giải bày như sau, để các ban hộ niệm y cứ hành trì. Mong rằng các đạo hữu lưu ý, công đức sẽ vô lượng, vì nó quyết định cho tương lai của cả một đời tu hành.

#### a) Lúc bệnh nặng sắp lâm chung

Khi có một đạo hữu nào bệnh nặng sắp lâm chung, thân thuộc nên tin cho ban hộ niệm và mời đến nhà hộ niệm. Nếu tinh thần người bệnh còn tỉnh táo, ban hộ niệm nên nhất thiết khuyên thân thuộc đừng khóc lóc và cũng đừng đem việc nhà ra nói với người bệnh làm gì nữa. Khóc lóc hay hỏi về việc nhà lúc ấy không giải quyết được gì hết mà chỉ khiến cho người bệnh sanh khởi niệm luyến tiếc việc đời một cách vô ích.

Nên khuyến khích bệnh nhân đem tâm phóng xả tất cả chỉ nhớ Phật và niệm Phật mà thôi. Nên nói với bệnh nhân: "Thế giới Cực Lạc rất là an vui sung sướng. Nay người nên bỏ tất cả, nguyện sanh về thế giới kia. Được sanh về đây sẽ không còn có hạnh phúc nào bằng. Hiện tại sở dĩ bị bệnh hoặc đau đớn là do ác nghiệp nhiều kiếp tích lũy gây nên. Tạm thời nên chịu khó nhẫn nại".

Nếu bệnh nhân có việc gì khổ tâm lắm không thể bỏ được, nên tìm mọi phương tiện thuyết pháp giải trừ. Hoặc dùng lời dịu ngọt vui vẻ để khuyến khích an ủi, hoặc đem bao nhiêu điều hay việc tốt hay công đức tu hành mà bình sanh người ấy đã làm để tán thán ngợi khen. Các phương tiện ấy sẽ có công năng khiến bệnh nhân hoan hỷ và tin tưởng rồi nhờ đó mà sẽ được vãng sanh Tịnh Độ.

Nếu gặp phải bệnh nhân hôn trí hôn mê không còn biết gì nữa, ban hộ niệm nên đứng bên cạnh trợ niệm hoặc đánh chuông mõ hết sức nhẹ nhàng, đừng cho tiếng xằng và ồn, khiến gây nên trạng huống lộn xộn trong thần thức của bệnh nhân. Nếu như phút lâm chung kéo dài quá lâu, nên luân phiên tụng niệm, thế nào cho tiếng niệm Phật đừng dứt đoạn. Niệm đến khi nào bệnh nhân hết thở và toàn thể châu thân lạnh đều mới thôi.

#### b) Sau khi lâm chung

Khi bệnh nhân đã hết thở rồi, ban hộ niệm vẫn tiếp tục niệm Phật và tuyệt đối không nên cho bà con khóc lóc. Cũng không nên đưng đến thi thể hoặc vội tắm rửa thay áo quần. Tránh đừng nên đưng chạm gây ra huyền não hay nói to tiếng khiến cho vong giả kinh loạn.

Sở dĩ phải tuyệt đối giữ thanh tịnh là vì dù ngực hết thở, quả tim hết đánh, nhưng thần thức (thức thứ 8) của người chết vẫn chưa lìa khỏi xác. Nếu chung quanh có tiếng khóc lóc hoặc ồn ào và va chạm, thi thể còn cảm giác sẽ sanh lòng sân hận, rồi có thể vì đó mà bị đọa lạc. Kinh chép khi Vua A Kỳ Đạt chết, vì người giữ thầy dùng quạt đuổi ruồi,

rồi đưng nhằm mặt nhà vua, khiến nhà vua phần nộ; do đó nhà vua bị đọa làm thân con rắn!

Vì những lẽ trên nên cần phải thận trọng trong giờ phút trước và sau khi lâm chung. Tốt hơn hết là nên luôn luôn có người ngồi bên cạnh tiếp tục niệm Phật không hở, khiến cho chánh niệm được liên tục. Nếu không làm được như vậy thì nên đuổi hết mèo chó, cấm hẳn người ra vào và đóng kín cửa phòng lại. Nếu muốn tắm rửa, thay quần áo và uôn nắn tay chân cho người chết để nhập liệm thì nên đợi sau tám tiếng đồng hồ mới chắc chắn không làm hại cho người chết.

Trong Duy Thức học có dạy rằng muốn biết một người chết sẽ thác sanh về thế giới nào, hãy xem thần thức người đó lìa khỏi xác tại điểm nào. Điểm mà thần thức xuất tức là điểm còn hơi nóng cuối cùng, sau khi toàn thể châu thân đã lạnh buốt. Bài kệ sau đây sẽ cho ta biết cảnh giới tương lai của người chết sắp đầu thai:

*Đảnh Thánh, nhãn sanh thiên,  
Nhơn tâm, ngạ quỷ phúc,  
Bàng sanh tất hạ hành  
Địa ngục cước để xuất.*

Nghĩa là: Thần thức xuất ở đảnh đầu là sanh về cõi Thánh, xuất ở con mắt thì sanh về cõi trời, xuất ở trên chân thủy thì sanh về cõi người, xuất ở dưới bụng thì sanh về cảnh giới ngạ quỷ, xuất ở đầu gối thì sanh về cảnh giới bàng sanh, xuất ở bàn chân thì sanh về cảnh giới địa ngục.

Vì thế, trong khi thần thức sắp rời khỏi xác, mà ví như sẽ được sanh về cõi trời thì chỗ

còn nóng sau cùng là ngang khoảng hai con mắt. Nếu không khéo để cho thi thể va chạm hoặc có tiếng ồn ào làm kinh động khiến thần thức tán loạn sanh phiền não, phải bị đọa lạc thì thật là oan uổng cho người chết biết chừng nào!

Thiết tha mong toàn thể tín đồ Phật tử hãy lưu tâm điểm này để cứu giúp nhau trong giờ phút lâm chung, giờ phút nghiêm trọng có ảnh hưởng cho cả một kiếp sau. Mong thay!

### c) Cứu độ thân trung ấm

Thân thể con người do năm uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành, thức tạo thành. Năm uẩn cũng gọi là năm ấm. Vì thế thân thể hiện còn gọi là tiền ấm, sau khi chết rồi và thác sanh gọi là hậu ấm, nằm ở khoảng giữa tiền ấm và hậu ấm (chết rồi mà chưa đầu thai lại) gọi là trung ấm.

Thân trung ấm bắt đầu từ giây phút thức thứ tám mới lìa khỏi xác thể người chết. Theo luận Câu Xá thì thân trung ấm của người ở Dục giới lớn bằng em bé 5, 6 tuổi, nhanh sáng, có sức thông đạt, có sức ký ức nhạy hơn chín phần so với lúc sanh tiền.

Sau khi người chết, tuy thần thức ly khai thân xác chuyển thành thân trung ấm, nhưng thân trung ấm ấy trừ trường hợp quá dày phúc đức hay quá nhiều tội ác thì trong giây phút hoặc được sanh như thiên hoặc bị đọa ác thú liền, còn trong các trường hợp bình thường thì thần thức vẫn còn loanh quanh lưu luyến bên cạnh thân cũ. Cho nên nếu quyến thuộc khóc lóc hoặc tắm rửa, thay áo quần cho người chết v.v... thần thức đều biết

cả. Bấy giờ thần thức tưởng mình còn sống nên nó vẫn đến hỏi việc này việc khác, nhưng ngật vì không ai thấy nghe mà đáp lại, vì vậy vô cùng bức tức, sợ hãi, bối rối, rồi giận dữ bỏ ra đi. Vì thế đối với người chết rồi, thân thể tuy đã lạnh cứng, nhưng người sống không nên nói điều gì hay làm việc gì có tánh cách khêu gợi lòng tham, sân, si, khêu gợi sự luyến tiếc cho người chết. Như là người sắp chết thì chỉ nên thuyết pháp, an ủi, khuyến khích nhất tâm cầu nguyện vãng sanh Cực Lạc; nếu người ấy đã chết rồi thì nên tụng kinh niệm Phật cho thân trung ấm nghe.

Nếu người chết lúc sanh tiền chưa từng niệm Phật, trong giờ phút gần lâm chung, lòng không chôn nương tựa, thân không còn là chủ tử, hoàn cảnh thật là hết sức thê lương ảm đạm. Trong giờ phút ấy, nếu được nghe một tiếng niệm Phật, một lời thuyết pháp, người chết nhờ nhất niệm đó mà có thể vãng sanh Tịnh Độ. Cho nên đối với vong nhân, không kể sanh tiền có tin Phật hay không tin Phật, có tu Tịnh Độ hay không tu Tịnh Độ ban hộ niệm đều nhất thiết nên đến giúp đỡ và cao tiếng niệm danh hiệu Phật. Đó là phương pháp cứu độ thân trung ấm, hết sức hữu ích và cần phải thi hành.

### d) Cúng vong, cầu siêu

Đám tiệc nên tùy nghi phương tiện, cốt nhất phải thanh tịnh. Không nên bày vẽ rộn ràng, sát sanh cúng tế một cách linh đình.

Trong kinh Phật dạy: "Vì thần thức người chết (thân trung ấm) chỉ dùng mùi hương làm thức ăn", vì thế ta chỉ nên dùng hương thơm, hoa đẹp, đèn sáng mà cúng là đủ.

Nhất là tiếng niệm Phật và lời thuyết pháp thì rất bổ ích cho vong linh.

Sau khi đám tiệc xong xuôi, người con hiếu thảo nên vì vong linh làm các Phật sự để cầu siêu độ, bất luận vong giả đã vãng sanh rồi thì lại càng được tăng thêm phước huệ; nếu chưa vãng sanh thì có thể nhờ đó mà túc nghiệp tiêu trừ, sanh về các cõi thiện. Đó là cách báo ân hay nhứt của người con hiếu thảo.

Làm Phật sự thì không gì hơn là chuyên tụng kinh, bái sám và trì niệm danh hiệu Phật. Có thể tự trong gia thuộc mình tụng lấy, hoặc mời đạo hữu tụng thêm. Các kinh thường tụng là Di Đà, Kim Cang hoặc Đại Bi Thần chú v.v... Tụng niệm xong nên hồi hướng công đức cho vong giả làm tư lương cầu sanh Cực Lạc. Nếu như trong gia thuộc mình không ai tụng kinh được thì chuyên niệm hiệu Phật cũng đủ rồi.

Còn như di sản của vong giả để lại, nếu là của cải thì nên đem làm việc phước thiện như: Bỏ thí kẻ nghèo khó, giúp đỡ người tàn phế, cấp dưỡng cô nhi quả phụ hay phụ nữ sanh đẻ, hoặc làm chùa, chú tượng, ấn tống kinh điển, cúng dường chúng tăng v.v... Làm các việc phước thiện ấy rồi đem công đức hồi hướng cầu cho vong giả tội diệt phước sanh, vãng sanh Cực Lạc. Như thế thì người còn kẻ mất, thầy đều được công đức lớn lao không thể kể xiết. Kinh Địa Tạng nói: "Trong khi vì người chết mà làm việc công đức thì người sống đã hưởng hết sáu phần mà người chết chỉ nhờ được một phần thôi".

(Còn tiếp)

## Pháp Cú

HT. Thích Minh Châu dịch

**Phẩm Tạp Lục**  
**298**

*Đệ tử Gotama,  
Luôn luôn tự tỉnh giác,  
Vô luận ngày hay đêm,  
Thường tưởng niệm Tăng già.*

**299**

*Đệ tử Gotama,  
Luôn luôn tự tỉnh giác,  
Vô luận ngày hay đêm,  
Thường tưởng niệm sắc thân.*



**thả bay**

**Đất khô  
cày ải trâu buồn  
Chủ nông cơ cực  
ai buồn hơn ai?  
Thôi đành  
cộng nghiệp trả vay  
Từ tay phiến muộn  
thả bay luân hồi.**

**Phổ Đồng**

## VAI TRÒ THÍCH HỢP CỦA TÔN GIÁO TRONG THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI

*Đức Đạt Lai Lạt Ma*



Tôi muốn nói về sự thích hợp của tôn giáo trong thế giới hiện đại. Vì bản tánh tự nhiên, tất cả mọi người đều có sự cảm nhận về tự ngã, và từ đó, họ sẽ trải qua các hiện tượng mà họ nhận thức được bằng cảm giác khổ đau, vui sướng hay trung tính. Đây là sự thật, không cần phải tìm hiểu lý do. Động vật cũng thế. Vì bản tánh tự nhiên, tất cả chúng ta đều muốn được hạnh phúc, không muốn đau đớn và bất hạnh. Ta cũng không cần phải chứng minh điều này. Trên cơ bản này, ta có thể nói rằng mọi người đều có quyền lợi để có một đời sống hạnh phúc và khắc phục khổ đau.

Có hai loại khổ thọ và lạc thọ. Một loại liên quan với cảm giác qua thân thể và một loại liên hệ với tinh thần. Tất cả các loài động vật có vú có năm giác quan đều có cảm giác

từ thân thể. Về mặt tinh thần, chỉ có một số động vật là có kinh nghiệm khổ đau và vui sướng. Tuy nhiên, vì con người có trí thông minh tinh vi, họ có ký ức ghi nhớ lâu dài hơn, cũng như có những suy tư về tương lai. Điều này vượt trội hơn các động vật khác. Vì vậy, con người có sự vui sướng, hài lòng hay khổ não về mặt tinh thần, như hy vọng, dự đoán và sợ hãi. Thế nên, sự sung sướng hay đau đớn của thân thể và niềm hạnh phúc hay bất hạnh trên tinh thần là những điều khác biệt nhau. Có lúc thể xác của ta có thể đau đớn, nhưng tinh thần lại an lạc, và có lúc thì cơ thể ta không có vấn đề, nhưng tinh thần lại có nhiều lo âu và bất mãn.

Mức độ vật chất liên hệ với điều kiện vật chất như thực phẩm, y phục, nhà cửa, cảnh đẹp, âm thanh, mùi hương, vị nếm, xúc

chạm thân thể và các tiện nghi vật chất. Một số người rất giàu sang. Họ có tiếng tăm, học vấn, được tôn trọng, nhiều bạn hữu, nhưng vẫn là những người rất bất hạnh. Đó là bởi vì các tiện nghi vật chất đã không thể mang lại sự thỏa mãn hay an ủi trên tinh thần. Một số người có rất nhiều sự lo âu, căng thẳng tinh thần, ganh đua, ganh tỵ, thù hận, bám chấp, và những điều này đưa đến nỗi khổ tinh thần. Vì vậy, hạnh phúc về mặt cơ thể và vật chất có những giới hạn. Đời sống có thể trở nên bất hạnh, nếu ta không quan tâm đến khía cạnh nội tâm. Những xã hội giàu có mang lại sự thoải mái trên phương tiện vật chất, nhưng chúng không thể bảo đảm rằng con người sẽ được hạnh phúc, bình an và thoải mái về mặt tinh thần. Vì thế, chúng ta cần có một cơ chế để mang lại sự bình an trong tâm hồn.

Nói chung, tôn giáo là một công cụ để mang đến sự bình an, toại nguyện và thoải mái cho tinh thần, với một niềm tín ngưỡng nào đó. Nhiều người đồng ý rằng cần có một phương pháp thế tục để mang lại tâm bình an, nhưng tôi sẽ thảo luận điều này trong buổi nói chuyện với công chúng. Nếu chúng ta nói về một phương pháp mang lại tâm bình an, căn cứ trên tín ngưỡng, thì có hai thể loại thuộc về tôn giáo – tín ngưỡng không có triết lý và tín ngưỡng có triết lý.

Vào thời xưa, người ta dùng tín ngưỡng để mang đến niềm an ủi và hy vọng, khi họ phải đối diện với những hoàn cảnh nan giải, những vấn đề ngoài tầm kiểm soát của họ, đó là sự tuyệt vọng. Trong những hoàn cảnh như thế, tín ngưỡng đem lại một ít hy vọng. Thí dụ, thú vật đem lại sự đe dọa vào ban đêm. Vì vậy, trong bóng tối, ta cảm thấy sợ hãi hơn. Ta sẽ thấy an toàn hơn khi có ánh

sáng. Nguồn gốc của ánh sáng là từ mặt trời. Vì vậy, mặt trời là một điều gì thiêng liêng và cũng vì thế, một số người đã thờ phượng mặt trời. Lửa mang lại sự ấm áp thoải mái khi ta cảm thấy lạnh. Vì thế, một số người xem lửa là một điều gì tốt đẹp. Lửa đôi khi xuất phát từ sấm sét, đó là một điều huyền bí và vì vậy, lửa và sấm sét đều được xem là thiêng liêng. Đây là những tín ngưỡng nguyên thủy, không chứa đựng triết lý.

Một loại tín ngưỡng khác có lẽ phải nói đến là xã hội Ai Cập cổ xưa. Tôi không biết gì về điều này. Nên văn minh Ai Cập đi ngược về trước sáu hay bảy ngàn năm và đã có tín ngưỡng vào thời đó. Khi đến một trong những trường Đại học ở Cairo, tôi nói là nếu có thêm thời gian, tôi muốn theo học ở đó và nghiên cứu thêm về nền văn minh cổ đại của Ai Cập, nhưng đáng tiếc là tôi không có thời gian. Tuy vậy, dù sao đi nữa, một loại tôn giáo khác gồm có nền văn minh Thung Lũng Indus ở Ấn Độ và nền văn minh Trung Hoa. Họ có những tôn giáo phức tạp hơn với một tư tưởng. Có lẽ nền văn minh Thung Lũng Indus phong phú hơn những nền văn minh khác. Ở Ấn Độ, từ ba hay bốn ngàn năm trước, đã có tín ngưỡng với một triết lý nào đó. Vì vậy, một loại tôn giáo khác là tín ngưỡng với những khái niệm triết lý nào đó.

Trong loại tôn giáo thứ hai này, có những câu hỏi phổ biến. Một người bạn Do Thái đã nêu ra những câu hỏi này một cách tinh vi: “Tôi” là gì? Tôi đến từ đâu? Tôi sẽ đi về nơi đâu? Mục tiêu của cuộc đời là gì? Đây là những câu hỏi chính. Những câu trả lời cho các thắc mắc này thuộc vào hai loại: hữu thần và vô thần.

Ba ngàn năm về trước ở Ấn Độ, con người

đã cố gắng tìm câu trả lời cho sự thắc mắc về “tôi” là gì, bản ngã là gì? Theo kinh nghiệm thông thường, khi con người còn trẻ thì thân thể có diện mạo và hình dáng khác hơn khi đã già. Tâm thức cũng thế, nó khác biệt theo từng giây phút. Nhưng chúng ta có một cảm giác tự nhiên về “cái tôi” – khi “tôi” trẻ, khi “tôi” già. Vì vậy, phải có một chủ nhân cho thân thể và tâm thức này. Chủ nhân phải là điều gì đó độc lập và thường hằng, không thay đổi, trong khi thân và tâm thì đổi thay. Thế nên ở Ấn Độ, ý tưởng về một bản ngã, một linh hồn, một “*atman*”, bắt nguồn từ đây. Khi thân thể không còn hữu dụng nữa, một linh hồn vẫn duy trì ở đây. Đó là câu trả lời cho câu hỏi “tôi” là gì.

Thế thì linh hồn đến từ nơi nào? Nó có sự khởi đầu và kết thúc hay không? Không có khởi đầu thì khó chấp nhận được, vậy thì phải có một sự khởi đầu, giống như thân thể này cũng có một sự bắt đầu. Thế là Thượng Đế tạo ra linh hồn, và đối với sự kết thúc, chúng ta đến với sự hiện diện của Thượng Đế, hay cuối cùng hòa nhập vào trong Thượng Đế. Các tôn giáo Trung Đông như Do Thái giáo, Cơ Đốc giáo trong thời kỳ ban đầu, và có thể người Ai Cập nữa, đã tin tưởng vào hậu kiếp. Nhưng đối với Do Thái giáo, Cơ Đốc giáo và Hồi giáo, chân lý tối hậu là Thượng Đế, đấng Tạo Hóa. Đó là cội nguồn của vạn vật. Vị Thượng Đế này phải có quyền năng vô biên, cũng như lòng bi mẫn và trí tuệ vô hạn. Mỗi tôn giáo đều xác định về một lòng bi mẫn vô hạn, như thánh Allah, và Thượng Đế là chân lý tối hậu, vượt ra khỏi kinh nghiệm của chúng ta. Đó là tôn giáo hữu thần.

Thế rồi khoảng ba ngàn năm trước, chúng ta có triết lý Số Luận Sư (Samkhya) ở Ấn Độ.

Triết lý này phân chia thành hai phái: một tin tưởng vào Thượng Đế và một cho rằng không có Thượng Đế. Thay vì vậy, phái thứ hai nói về tính chất nguyên thủy, *tự tánh* (*prakrti*) và hai mươi lăm loại hiện tượng có thể nhận thức được. Đối với họ, tính chất nguyên thủy thì thường hằng và là đấng tạo hóa. Thế thì các quan điểm vô thần đã có mặt vào trước thời của Đức Phật.

Thế rồi khoảng 2600 năm trước đây, Đức Phật và vị tổ sáng lập Kỳ Na giáo (Jain founder), Mahavira, đã xuất thế. Không ai trong hai vị này đã đề cập đến Thượng Đế, nhưng thay vào đó, chỉ nhấn mạnh đến nhân và quả. Vì vậy, một phái của Số Luận Sư, Kỳ Na giáo và Phật giáo là những tôn giáo vô thần.

Trong các tôn giáo vô thần, Phật giáo nói rằng các pháp bắt nguồn từ các nhân và duyên của riêng nó, và vì vậy, một trong những bản chất tự nhiên của nhân và quả là sự đổi thay. Sự vật chẳng bao giờ đứng yên bất động. Vì nền tảng của tự ngã hay “tôi” là thân thể và tâm thức, mà hiển nhiên thân và tâm đang thay đổi trong mọi lúc, và vì “tôi” dựa vào hai yếu tố này, “tôi” cũng phải có cùng bản chất với chúng. Nó không thể không thay đổi và thường hằng mãi mãi. Nếu nền tảng đổi thay thì dĩ nhiên cái danh xưng đặt để cho nó cũng phải thay đổi. Vì vậy, không có một linh hồn thường hằng, bất biến – “*anatman*”, vô ngã. Đây là khái niệm đặc trưng của Phật giáo – vạn pháp liên hệ và phụ thuộc lẫn nhau. Thế thì trong ba tôn giáo vô thần, mặc dù hai tôn giáo kia chấp nhận luật nhân quả, tuy nhiên, họ xác nhận một bản ngã thường hằng, bất biến.

Trong những tôn giáo có niềm tin và triết lý,



có nhiều truyền thống khác nhau. Tất cả đều có hai khía cạnh – triết lý và khái niệm, cũng như sự thực hành. Có một sự khác biệt lớn về khía cạnh triết lý và khái niệm, nhưng thực hành thì giống nhau, thí dụ như lòng từ ái, bi mẫn, tha thứ, bao dung, kỷ luật bản thân. Những triết lý và khái niệm khác nhau chỉ là những phương pháp để mang lại cho con người ước nguyện và lòng vững tin để thực hành hạnh từ ái, bi mẫn, tha thứ, và v.v... Vì vậy, tất cả những triết lý này có cùng mục tiêu và chủ ý, đó là đem lại cho con người lòng từ ái, bi mẫn và v.v...

Đây là điều rõ ràng trong đạo Phật, Đức Phật đã dạy những khái niệm khác nhau, thường là những điều mâu thuẫn. Một số kinh điển nói rằng các uẩn – thân và tâm – tựa như một kiện hàng và tự ngã là cái gì khuôn vác nó.

Một kiện hàng và dụng cụ khuôn vác nó không thể giống nhau, thế thì tự ngã phải tách biệt và tồn tại trên thực chất. Một kinh khác nói rằng nghiệp hay những hành vi thì tồn tại, nhưng không có một cá nhân hành động, không có tự ngã trên thực chất. Những kinh điển khác nói không có những hiện tượng bên ngoài. Chỉ có tâm thức và những hiện tượng khác đơn thuần là nội dung của tâm thức, và tâm thức tồn tại; nó thật sự tồn tại. Tuy nhiên, những kinh điển khác nói rằng cả tâm thức lẫn nội dung của nó đều không thật sự tồn tại - không có điều gì thật sự tồn tại cả, thí dụ như *Kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa*, *Tâm Kinh* đã nói rằng: “không nhân, nhĩ, tử, thiết, thân, ý.” Tất cả những điều này mâu thuẫn với nhau, nhưng tất cả đều xuất phát từ một nguồn cội, đó là Đức Thích Ca Mâu Ni Phật.

Đức Phật đã không giảng dạy tất cả những điều này vì sự lầm lẫn của ngài. Ngài cũng không chủ tâm thuyết giảng chúng để tạo thêm sự bối rối trong hàng môn đồ. Tại sao Ngài lại dạy như thế? Đức Phật đã tôn trọng những căn cơ khác nhau của chúng sanh, và Ngài đã giảng dạy tất cả những điều này để giúp họ. Ngài thấy rằng tất cả những điều này là cần thiết.

Ba ngàn năm về trước, thế giới có thể có khoảng mười hay một trăm triệu người. Bây giờ, có hơn sáu tỷ người. Trong số những người này, chắc chắn có những tâm tánh khác nhau. Chúng ta có thể thấy điều này, ngay cả ở những đứa trẻ có cùng cha mẹ. Ngay cả những cặp song sinh cũng có tâm tư và cảm xúc khác nhau. Vì thế, nhân loại có những tâm tánh khác nhau. Sự khác biệt này cũng do môi trường, địa lý và khí hậu tạo ra. Thí dụ, Ả Rập thì nóng và khô. Ấn Độ có những mùa mưa, vì vậy hai nước này khác nhau và con người ở những nơi này cũng có lối sống khác nhau. Có thể trong thời nguyên thủy, con người có nhiều điểm tương đồng hơn ở khắp nơi. Tuy nhiên, vì những sự khác biệt nêu ra ở trên, điều quan trọng là có những phương cách tiếp cận khác nhau trong hiện tại. Tuy nhiên, những khái niệm và triết lý khác nhau không phải là vấn đề thật sự. Quan trọng nhất là chí hướng và mục tiêu của tất cả những yếu tố này, và chúng thật sự giống nhau, đó là giúp cho con người trở nên tử tế và bi mẫn khi giao tiếp với người khác.

Đối với một số người thì khái niệm về một đấng sáng tạo, Thượng Đế, rất hữu ích. Một lần nọ, tôi đã hỏi một tu sĩ Cơ Đốc lão thành là tại sao Cơ Đốc giáo không tin tưởng vào tiền kiếp. Ông nói rằng, “Bởi vì đời sống

trong hiện tại là do Thượng Đế tạo ra.”. Cách suy nghĩ như thế tạo ra một cảm giác mật thiết với Thượng Đế. Cơ thể này bắt nguồn từ tử cung của mẹ ta, vì thế, chúng ta có một cảm giác gần gũi và thoải mái với mẹ của mình. Trường hợp của Thượng Đế cũng tương tự như thế. Chúng ta bắt nguồn từ Thượng Đế và điều này ban cho ta một cảm giác gần gũi với ngài. Càng cảm thấy gần gũi hơn, khuynh hướng tuân theo những lời khuyên của Thượng Đế càng mạnh hơn, đó là việc thực thi lòng từ bi. Vì vậy, cách tiếp cận hữu thần rất mạnh mẽ và hữu ích cho nhiều người hơn là tiếp cận vô thần.

Tốt hơn là hãy giữ lấy truyền thống tôn giáo riêng của mình. Ở Mông Cổ, các nhà truyền giáo cho người dân \$15 để cải đạo sang Cơ Đốc giáo. Thế là một số người đến với họ và cải đạo mỗi năm, lần này qua lần khác, chỉ để nhận \$15 mỗi lần! Tôi khuyên các nhà truyền giáo này đừng can thiệp vào tín ngưỡng của dân chúng, hãy để người dân ở đó giữ truyền thống Phật giáo của họ. Điều này cũng giống như tôi nói với người Tây phương rằng hãy giữ tôn giáo riêng của họ.

Tốt nhất là hãy thu thập thêm thông tin. Điều này sẽ giúp ta phát triển sự tôn trọng các truyền thống khác. Thế thì, hãy giữ truyền thống Cơ Đốc, nếu bạn là tín đồ Cơ Đốc, nhưng hãy có thêm sự hiểu biết và kiến thức về những truyền thống khác. Còn về mặt phương pháp, tất cả các truyền thống đều giảng dạy một cách thực hành, đó là lòng từ ái, bi mẫn, bao dung. Vì cách thực hành được chia sẻ chung chung, các bạn có thể áp dụng một vài phương pháp của Phật giáo. Tuy nhiên, khái niệm không có điều gì là tuyệt đối, là một vấn đề hoàn toàn riêng rẽ của Phật giáo. Nó không có lợi ích gì cho

người khác đạo học hỏi. Một linh mục Cơ Đốc đã hỏi tôi về tính Không, không tướng, và tôi nói với ông rằng điều này không tốt cho ông. Nếu tôi nói rằng các pháp hoàn toàn phụ thuộc lẫn nhau, điều này có thể làm tổn hại niềm tin mạnh mẽ của ông đối với Thượng Đế. Thế nên, những người như vậy thì tốt hơn là không nên nghe nói về tính Không hay không tướng.

Tóm lại, vì tất cả các tôn giáo lớn có sự thực hành giống nhau, chỉ khác nhau về phương pháp và triết lý, nhưng đều có cùng mục tiêu. Đây chính là nền tảng cho sự tôn trọng lẫn nhau. Vì thế, hãy giữ truyền thống riêng của bạn. Tuy nhiên, nếu các bạn thấy trong buổi nói chuyện của tôi có một số phương pháp của Phật giáo đem lại lợi ích cho bản thân, thì hãy sử dụng chúng. Nếu như thấy chúng không có lợi ích gì, thì hãy bỏ mặc chúng.



## Trăng

Tuệ Sỹ

*nhà đạo nguyên không khách  
quanh năm bạn ánh đèn  
thẹn tình trăng liếc trộm  
bẽn lẽn nắp sau rèm  
yêu nhau từ vạn kiếp  
nhìn nhau một thoáng qua  
nhà đạo nguyên không nói  
trăng buồn trăng đi xa*

Chép tặng chị PC .

# Hành trì Mật tông Tây Tạng Tại Việt Nam

## Quảng Kiến



*Những hành giả Việt Nam bên ngài Sangsa Rinpoche tại Nepal*

### Dẫn khởi

Mặc dầu hầu hết các dòng truyền thừa của Phật giáo Việt Nam từ xưa đến nay đều bắt nguồn từ Thiên tông, song pháp tu hàng ngày của Tăng Ni, Phật tử lại thường bao gồm cả Thiên - Tịnh - Mật.

Trong truyền thống tu tập tại các chùa, Mật tông chủ yếu được thể hiện trong hai thời khóa tụng và nghi thức cúng cô hồn - đặc biệt là trai đàn chẩn tế, cũng như sự trì niệm của mỗi cá nhân. Những nghi thức này chịu ảnh hưởng chủ yếu từ Đông Mật (Trung Quốc, Nhật Bản), được xem là hệ Tantra cấp đầu tiên của Tây Tạng (Kriya-Tantra), sự hành trì chủ yếu liên hệ với các nghi thức ngoại giới, chưa phải cốt tủy của Mật tông Tây Tạng.

Mật tông, hay Kim Cang thừa, là giai đoạn phát triển thứ ba của tư tưởng Đại thừa Phật giáo, sau Bát nhã và Duy thức; và Tây Tạng được xem là nơi cất giữ một cách trọn vẹn tinh túy Mật tông Ấn Độ. Mặc dù được truyền vào từ cuối thế kỷ thứ VIII bởi ngài Padmasambhava (Liên Hoa Sanh) và phát triển mạnh vào thế kỷ XI do đóng góp của ngài Atisa, song mãi đến khi Trung Quốc chiếm giữ Tây Tạng vào năm 1959, Mật tông Tây Tạng mới bắt đầu được truyền bá ra khắp thế giới.

Bài viết này là phác thảo bước đầu về Mật tông Tây Tạng (Tây Mật) tại Việt Nam - một phác thảo cho thấy sự thịnh hành của pháp tu này vào thời hiện đại bên cạnh những lối hành trì mang tính truyền thống của Phật giáo nước ta.

## Về Mật tông tại Việt Nam

Mật tông vốn truyền vào Việt Nam từ khá sớm. Theo Thiền uyển tập anh, vào thế kỷ thứ VI, ngài Tỳ Ni Đa Lưu Chi, người Ấn Độ, đã đến Việt Nam và dịch kinh Đại thừa phương quảng tổng trì tại chùa Pháp Vân. Đây là một bộ kinh của Mật giáo, và liên hệ rất nhiều đến Thiền.

Vào thời Đinh và Tiền Lê, Mật tông đã khá thịnh hành tại Việt Nam. Những trụ đá được phát hiện tại Hoa Lư, Ninh Bình vào các năm 1963, 1964, 1978 - dựng vào năm 973, thời Đinh; có trụ dựng năm 995, thời Lê Đại Hành - đều khắc bản kinh Phật đĩnh Tôn thắng Đà La Ni (Usnisavijaya dharani), một bản kinh rất phổ biến của Mật giáo, đã chứng minh cho điều đó.

Dĩ nhiên Mật tông thịnh hành tại nước ta không chỉ do mỗi ngài Tỳ Ni Đa Lưu Chi, mà còn từ Phật giáo Chiêm Thành, những Tăng sĩ ngoại quốc và những vị sư Việt Nam thọ học từ Ấn Độ. Trong đó, ngài Mahamaya, gốc Chiêm Thành, thuộc đời thứ 10 của thiền phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi, từng theo học với ngài Pháp Thuận - Pháp hành sám và trì tụng chú Đại bi - cũng rất nổi tiếng về pháp thuật. Thiền uyển tập anh cho rằng ông đặc pháp Tổng trì Tam muội, thi triển nhiều pháp thuật khiến cho vua Lê Đại Hành và dân chúng đều nể phục. Một thiền sư Việt, ngài Sùng Phạm (mất năm 1087), đời thứ 11 của thiền phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi, đã đến Ấn Độ chín năm, sau mở trường dạy tại chùa Pháp Vân. Đề tử của ngài có sư Từ Đạo Hạnh nổi tiếng về phù chú và sư Trì Bát cũng thâm nhuần Mật giáo. Đại Việt sử ký toàn thư cũng ghi chép về một vị Tăng sĩ Ấn Độ, vào năm 1311, đến nước ta, xưng là 300

tuổi, theo Mật giáo, có thể ngồi xếp bằng nổi trên mặt nước. Năm 1318, vua Anh Tông mời một Tăng sĩ Ấn Độ, tên Ban Đê Đa Ô Sa Thất Lợi đến dịch một bộ kinh Mật giáo tên là Bạch Tán Thần chú kinh.

Thiền uyển tập anh còn cho thấy, trong thiền phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi còn có những vị thiền sư khác giỏi về Mật tông, như: Vạn Hạnh (- 1068), Thiền Nham (- 1163), v.v...

Bên cạnh đó, thiền phái Vô Ngôn Thông, dù không nghiêng về Mật tông, song dấu ấn của Mật tông cũng được thể hiện khá rõ, điển hình qua các vị thiền sư Không Lộ, Giác Hải và Nguyễn Học. Thiền sư Không Lộ từng cùng với các sư Giác Hải và Từ Đạo Hạnh qua Thiên Trúc học Mật giáo, chứng đắc “lục trí thần thông”. Không Lộ nổi tiếng với câu chuyện hóa duyên (xin đồng) xư Tống và chữa bệnh lạ cho vua Lý Thần Tông. Thiền sư Giác Hải được biết đến qua câu chuyện thi triển thần thông với đạo sĩ Thông Huyền. Còn sư Nguyễn Học chuyên trì tụng chú Hương Hải Đại bi trị bệnh và cầu mưa không khi nào là không linh nghiệm.

Như vậy, ngay thời kỳ hoàng kim của Phật giáo Thiền tông, dấu ấn Mật tông vẫn thể hiện rất đậm nét. Ngài Pháp Loa (Nhị tổ thiền phái Trúc Lâm) cũng dành nhiều thì giờ cho việc trì chú. Ngài cũng phân tích và chú thích một kinh văn có khuynh hướng Mật tông là Kim Cương trường Đà la ni khoa chú.

Tuy thế, Mật tông Việt Nam từ thời kỳ đầu cho đến những thập niên cuối thế kỷ XX, dù có những ảnh hưởng rất lớn đối với đời sống tu tập của Tăng Ni, Phật tử song vẫn chưa thành lập tông phái một cách rõ ràng cũng

như chưa có các dòng truyền thừa chính thức. Trong nhiều thời điểm, Mật tông tại Việt Nam được vận dụng như một phép thuật “quái lạ” khiến cho nhiều người cảm thấy nghi ngại. Đó là đặc điểm cũng như những hạn chế của Mật tông “truyền thống” tại Việt Nam.

### **Một vài nhân vật tiêu biểu hành trì Mật tông Tây Tạng tại Việt Nam**

Mật tông Tây Tạng đặc biệt chú trọng về nghi thức Quán đánh (wang) và hành giả phải được khẩu truyền nghi quỹ (lung), được giảng dạy nghi quỹ (trid) từ một vị thầy giác ngộ để nhận được ân sủng của dòng truyền thừa. Lễ Quán đánh được dịch từ chữ “wang” trong tiếng Tây Tạng, nói đến giai đoạn đầu tiên, không thể thiếu sót để bắt đầu hành trì Mật tông. “Wang” có nghĩa đen là “quyền năng”, nhưng trong ý nghĩa là “ban truyền quyền năng”, hàm ý là sự ban truyền quyền năng của trí tuệ từ vị thầy sang đệ tử, cho phép vị đệ tử đó đi vào hành trì tu tập và gặt hái thành quả tu tập, sẽ được điểm nhập vào trong tinh túy của chư Phật. Mật tông Tây Tạng cho rằng hành giả có thể tu chứng quả Phật ngay trong hiện đời, không phải trải qua quãng thời gian lâu xa được tính bằng A tăng kỳ kiếp.

Chỉ xét riêng trên yếu tố này, chúng ta đã thấy có sự khác biệt với pháp tu Mật tông trong các tự viện Việt Nam từ trước đến nay (vốn ảnh hưởng từ Đông Mật) so với pháp tu Mật tông Tây Tạng (Tây Mật). Theo đó, từ thời kỳ đầu khi Mật tông vào Việt Nam cho đến nửa đầu thế kỷ XX, có lẽ chưa có bất kỳ một người Việt nào tu tập theo đúng khuôn mẫu Mật tông Tây Tạng.

Mãi đến năm 1936, một Tăng sĩ Việt Nam

đã du hành lên Tây Tạng và được thọ pháp với Lama Quốc Vương danh tiếng. Vị Tăng sĩ được xem là người Việt Nam đầu tiên thọ pháp với Lama Tây Tạng đó chính là Thiền sư Nhẫn Tế. (Cần chú thêm rằng, không ít người hiện vẫn nghi ngờ, không rõ Thiền sư có được truyền dạy Mật tông hay không, và được truyền thụ bởi ai? Hơn nữa, vào thời bấy giờ Tây Tạng còn thực hiện chính sách cấm cửa đối với người ngoại quốc, rất khó có người du nhập, chưa nói là được thọ pháp? Những cứ liệu sơ lược sau đây, chúng tôi y cứ vào Nhật ký Tây du Phật quốc cùng với một số hình ảnh, kỷ vật của ngài hiện vẫn còn lưu giữ tại chùa Tây Tạng, Bình Dương, nơi ngài trụ trì, sẽ ngầm trả lời cho câu hỏi đó).

Vào tháng 4-1935, Thiền sư Nhẫn Tế từ Sài Gòn đáp tàu đi Ấn Độ. Đến Ấn, ngài tham gia vào Hội Đại Bồ Đề (Maha Bodhi Society) ở Sarnath. Nhờ sự giới thiệu của Hội này, tháng 2-1936, ngài rời Ấn Độ lên Tây Tạng cùng với 4 vị sư Tây Tạng khác. Tháng 6, ngài tới thủ đô Lhasa, ra mắt Thừa tướng và yết kiến Quốc vương Tây Tạng - ngài Boda Lama (?), 27 tuổi, thế ngôi đức DaLai Lama thứ XIII vừa viên tịch cách đó 4 năm. (Trong Nhật ký đề ngày 6-9-1936, ngài có nói rõ rằng: “Từ bốn năm về trước thì quốc gia cấm ngoại quốc vào nước, cấm hút thuốc, ăn trầu...”, đến khi “tân Lama Quốc Vương kế vị đã bốn năm nay, thì ngài mở cửa cho rước các nước...”). Ngày 4-10-1936, ngài cầu pháp nơi đức Lama Quốc Vương và được ban pháp danh là Thubten Osall Lama (nghĩa là vòng kim cang huệ nhật).

Mặc dù Nhật ký không ghi cụ thể việc ngài thọ lễ Quán đánh như thế nào, song có nhiều

chi tiết huyền bí rất đáng lưu ý là từ ngày 16-7, ngài đã được “tiếp điện” nhiều lần với một vị La hán (không rõ danh tánh, theo Nhật ký thì ngài vốn có duyên với vị Tổ sư này từ trước), được ngài “chuyên tư tưởng mở cả trí não của bản đạo, làm cho bản đạo đoạt lý tâm kinh, mới biết đó là đại thần chú của Tam thế chư Phật”. Theo đó, ngài đã nhận được ân sủng truyền thừa từ chính vị Tổ sư này và chính thức tu tập Mật tông Tây Tạng trước khi thọ pháp từ Lama Quốc Vương. Việc ngài về nước sớm, theo Nhật ký, là do sự cản dận của vị Tổ sư kia về “nhân duyên tiếp độ” tại quê nhà, cho dù “nhiều bạn Lama trí thức muốn cho người ở lại Lhasa, nhưng ngày giờ hoàng hóa hầu đã đến”, hơn nữa “Lhasa có nạn”! Ngày 30-10-1936, ngài rời Tây Tạng về lại Ấn, sang Sri Lanka, tháng 6-1937 thì về đến Việt Nam.

Sau khi trở về từ Tây Tạng, ngài đã nhận lời mời trụ trì chùa Bửu Hương và đổi tên chùa thành “Tây Tạng tự”. Không rõ vì lý do nào mà hầu như ngài không truyền dạy Mật tông Tây Tạng cho ai, hoặc giả nếu có truyền dạy thì cũng chỉ hạn chế cho một số ít đệ tử của ngài (?). Theo Nhật ký thì trước, ngay và sau khi gặp vị Tổ sư huyền bí nọ, ngài vẫn luôn ngời thiên, niệm Phật một cách hết sức chăm chỉ...

Sau Thiền sư Nhẫn Tế đến vài chục năm, một Tăng sĩ Việt Nam khác cũng đã có nhân duyên đi cầu pháp Mật tông Tây Tạng, đó là cố TT.Thích Viên Thành.

Theo lời mời của ngài Đại sứ nước Anh tại Bhutan lúc bấy giờ, Thượng tọa Thích Viên Thành - Viện chủ chùa Hương và chùa Thầy, đã đến Bhutan và thọ pháp với Đức Pháp chủ của quốc gia này, thuộc dòng

truyền thừa Drukpa. Được sự gia trì và ban phước của Pháp chủ Bhutan, nên dù chưa trải qua thời kỳ nhập thất và hành trì dài lâu, Thượng tọa vẫn được phép truyền thụ lễ Quán đảnh cho đệ tử nhằm “đem sự thực hành này để phát triển tâm linh cho Tăng Ni Phật tử trong nước”. Vì vậy, năm 1992 được xem là thời điểm đầu tiên Mật tông Tây Tạng có sự truyền thừa chính thức đến Việt Nam do sự truyền dạy của TT.Thích Viên Thành.

Dù vậy, sự truyền bá Mật tông Tây Tạng của cố Thượng tọa vẫn có ít nhiều điểm khác biệt so với sự thực hành theo đúng với khuôn mẫu, điển hình như việc trì tụng chú Đại Bi, Chuẩn Đề - hai câu chú này vốn không được truyền thừa trong các dòng phái Tây Tạng; tại Tây Tạng, người ta chỉ thực hành thần chú của Quan Thế Âm Thập Nhất Diện và các pháp Quan Âm khác, vì vậy cho đến nay, vẫn chưa có sự truyền thừa cũng như khảo cứu rõ ràng về hai câu chú ấy. Hơn nữa, việc Thượng tọa viên tịch quá sớm cũng là một mất mát lớn lao cho hàng đệ tử của ngài - họ không thể có đủ thời gian để thực hiện hoàn tất các pháp tu mà ngài đã được truyền thụ. Dù vậy, hơn 16 năm qua, Mật tông Tây Tạng do cố Thượng tọa hướng dẫn vẫn âm thầm bắt rễ trong đời sống của nhiều Tăng Ni, Phật tử, nhất là phía Bắc.

Một Tăng sĩ khác, còn khá trẻ, ĐĐ.Thích Trí Không, sinh năm 1975, hiện là một hành giả Mật tông Tây Tạng hành trì một cách đều đặn và miên mật với những đợt nhập thất hàng năm.

Năm 2000, lần đầu tiên ĐĐ.Trí Không thọ Quán đảnh với ngài Kyabje Kusum Lingpa - nhân chuyên viếng thăm (du lịch) Việt Nam và truyền Quán đảnh cho khoảng 100 Tăng

Ni, Phật tử tại TP.HCM. Năm 2003, thầy một mình lặn lội sang Ấn Độ rồi đến Nepal thọ pháp với ngài Kyabje Trulshik Rinpoche và tu tập với ngài 3 tháng. Cuối năm 2003, thầy lại cùng một vị Tăng trẻ khác đến đó tu tập tiếp 6 tháng. Từ đó đến nay, năm nào thầy cũng hướng dẫn một nhóm Tăng Ni, Phật tử đến thọ pháp và tu tập với các Lama Tây Tạng tại Nepal và Ấn Độ, mỗi đợt từ 3-4 tháng.

Hiện ĐĐ.Trí Không tu học theo phái Nyingmapa (Cổ Mật) dưới sự hướng dẫn của ngài Kyabje Trulshik Rinpoche, dù thầy đã thọ pháp với khoảng 20 vị Rinpoche của cả 4 dòng phái Tây Tạng với các bậc thầy nổi tiếng như: Kyabje Kathuk Moktsa, Tulku Pema Wangyel, Rabjam Rinpoche v.v...

Nhìn chung, cho đến nay, sau một số chuyến viếng thăm chính thức và trao lễ Quán đảnh của các Lạt Ma Tây Tạng tại Việt Nam cùng với việc nhiều người thọ pháp với các Lama nước ngoài, Mật tông Tây Tạng đang bắt đầu hưng thịnh tại Việt Nam. Ước tính số người Việt (trong nước) thọ pháp Quán đảnh từ các dòng truyền thừa Tây Tạng hiện nay là vào khoảng 15.000 người, trong đó có khoảng 300 người chính thức sang Nepal, Ấn Độ, Tây Tạng cầu pháp và thọ lễ Quán đảnh, chủ yếu với các dòng Nyingmapa (Cổ Mật - Mũ Đỏ), Drukpa Kagyud (Thiên Long - Mũ Đen), Gelugpa (Mũ Vàng). Và con số này đang ngày càng tăng thêm. Những hành giả Mật tông Tây Tạng tại Việt Nam hiện tập trung chủ yếu ở các vùng như: Hà Nội, Hà Tây, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Việt Trì, TP.HCM, Lâm Đồng, Vũng Tàu, Đồng Nai, Cà Mau v.v...

### Sơ nét về phương pháp hành trì Mật tông

### Tây Tạng

Đường vào Mật tông gồm có nhiều bậc. Hành giả trước tiên phải trải qua nền tảng tu tập giáo lý của Tiểu thừa lẫn Đại thừa, rồi mới tiến vào giai đoạn của Kim Cương thừa. Theo lời dạy của Đại sư Tulku Nyima Rinpoche thì: “Ai cũng muốn đi cho nhanh, nhưng phương pháp mau chóng nhất để thành tựu là đừng đốt giai đoạn, cũng đừng nhen nhúm ý tưởng muốn đốt giai đoạn. Vì đốt giai đoạn xong thì sẽ vấp ngã; vấp ngã xong thì uống phí biết bao thời giờ, cuối cùng sẽ còn đi chậm hơn nhiều kiếp nữa!”

### \* Giai đoạn cơ bản

Còn gọi là giai đoạn Ngondro, tức Pháp tu nền tảng hay Pháp tu dự bị.

Trước tiên, hành giả phải tu tập, chiêm nghiệm, thiền quán Bốn bước khởi đầu bình thường và Năm bước khởi đầu phi thường.

Để thực hiện Bốn bước này, hành giả phải dựa trên bốn phép quán niệm, trong Mật tông gọi là bốn phép chuyển tâm, bao gồm:

1. Thân người là quý: ý thức sự hy hữu được thân người để tu thành Phật quả.
2. Thân, tâm và hoàn cảnh đều vô thường: ý thức mình có thể chết bất cứ lúc nào nên cần phải cấp cấp nỗ lực tu trì.
3. Nhân nào quả nấy: ý thức khi mình hành động thiện thì sẽ mang lại kết quả tốt đẹp, còn hành động ác thì kết quả sẽ tai hại - chúng ta có thể tự do xoay chuyển nghiệp của mình.
4. Luân hồi là khổ: ý thức toàn bộ tiến trình sinh tử luân hồi, cho dù chúng ta có tái sinh

ở cõi trời hay địa ngục đi nữa, thì chu trình này đều đau khổ.

Tiếp theo, để thực hiện Năm bước, hành giả phải thực hành:

1. Quy y và lễ lạy: Nhằm tạo chỗ dựa vững chắc và thể nghiệm Phật, Pháp, Tăng ngay chính bản thân để tiến tới giải thoát, hành giả phải xưng tụng: Namo Buddhaya, Namo Dharmaya, Namo Sanghaya và lễ lạy năm vóc sát đất.

2. Phát Bồ đề tâm: Hành giả khởi Đại bi tâm, thương xót tất cả chúng sanh đang lặn hụp trong vũng lầy sinh tử, muốn đạt đến trạng thái giải thoát và chúng ngộ Phật qua một cách nhanh nhất để cứu độ họ. Hành giả trì tụng câu kinh Phát Bồ đề tâm để làm mạnh mẽ thêm ý nguyện thiêng liêng, cao cả đó.

3. Thanh tịnh nghiệp chướng: Hành giả sám hối tất cả lỗi lầm từ xưa đến nay theo pháp tu Đệ nhất thanh tịnh tội lỗi với Kim Cương Tát Đỏa - quán tưởng và trì tụng thần chú Bách tự Kim Cang, hoặc lạy sám với 35 vị Phật.

4. Tích lũy công đức: Hành giả muốn chứng quả vị Phật thì phải thành tựu viên mãn Công đức và Trí tuệ, bằng cách cúng dường Mạn đà la - dâng cúng những gì quý giá nhất lên chư Phật, chúng tỏ lòng thành của hành giả hướng dâng trọn vẹn cuộc đời cho sự giải thoát giác ngộ như chư Phật, nhờ vậy mà phát sinh được nhiều công đức.

5. Ân sủng của dòng truyền thừa: Pháp này vô cùng quan trọng. Hành giả hòa nhập tâm mình với tâm của bậc thầy qua pháp Đạo sư Du già (Guru Yoga) thông qua các nghi quỹ

và thần chú. Vị đạo sư chính là sự thể hiện hữu hình cụ thể của Phật, Pháp và Tăng nên hành giả phải luôn lễ kính.

Theo pháp tu Tây Tạng, hành giả phải thực hiện các pháp này mỗi pháp là 111.111 lần với tất cả sự chí thành, chí tâm và toàn lực. (Thực ra, con số này đã trừ bớt 10% lơ đễnh, còn lại 100.000 lần). Riêng pháp cuối cùng, hành giả phải trì tụng câu chú của dòng truyền thừa từ 1.300.000 đến 2.000.000 lần, bởi pháp này vốn quan trọng nhất. Tuy thế, người ta vẫn thường gọi pháp này là pháp tu 500.000, dù túc số có nhiều hơn. Pháp tu này chung cho cả ba dòng, riêng dòng Gelugpa (Mũ vàng) có đôi chút khác biệt.

Để hoàn tất pháp tu Ngondro, đối với hành giả nhập thất, phải mất từ 6 tháng đến 1 năm mới xong; những hành giả không nhập thất song vẫn hành trì đều đặn mỗi ngày thì trung bình phải mất đến 3 năm mới xong.

Hành giả tu tập pháp nền tảng, trước tiên cần phải có tâm xuất ly, muốn vượt thoát ra khỏi vòng luân hồi sinh tử (cốt yếu của Tiểu thừa) và phải đồng mãnh phát Bồ đề tâm (tinh túy của Đại thừa). Vì lòng bi mẫn, hành giả phát Bồ đề tâm là vì thương xót chúng sanh, không phải chỉ giải thoát cho riêng mình, mà cần phải đạt quả vị giải thoát một cách nhanh nhất để cứu độ chúng sanh. Phải hội đủ những yếu tố đó hành giả mới xứng đáng là một hành giả Mật tông và mới có đủ điều kiện để tu tập Kim Cương thừa.

Đại sư Tulku Nyima Rinpoche dạy rằng, pháp tu nền tảng hay dự bị này là để: “thanh lọc hóa cái bình chứa, biến bình chứa thành bình tịnh thủy trước đã. Thầy có thể đoán chắc là các con sẽ mau chóng thành tựu nếu



chịu khó miên mật, kiên trì hoàn thiện các pháp tu dự bị! Trên con đường tu tập các pháp tu dự bị, thầy bảo đảm là các con sẽ đạt được nhiều kinh nghiệm sâu sắc, có khả năng chuyển hoá mãnh liệt. Đến lúc đó rồi thì các con sẽ trở thành những chiếc bình chứa hoàn hảo để đón nhận những giáo huấn Dzogchen!”

### \* Giai đoạn phát triển (Kye-rim)

Sau khi được chín chắn qua lễ điểm đạo, chín chắn qua sự hiểu biết và thực hành giai đoạn Ngondro, hành giả tiếp tục được rèn luyện với vị thầy qua một thời gian để làm chín chắn thêm dòng tâm thức để bước vào những giai đoạn mới.

Trong giai đoạn này, hành giả luyện tập thiền quán về một vị Bồ đề tôn mà mình có duyên hay do thầy chọn. Có hành giả thích những vị Phật hiền, có hành giả thích những vị Phật trong hình tướng hung dữ, tùy theo nghiệp kết nối của họ. Giai đoạn này cũng gọi là thiền quán Bồ đề tôn.

Cụ thể, hành giả sẽ quán cõi đất này chính là cõi Tịnh độ. Chỗ hành giả tu là cung điện của Bồ đề tôn. Nơi hành giả ngồi là đài sen, là tòa kim cương của Bồ đề tôn. Thân, khẩu của hành giả là thân, khẩu của Bồ đề tôn. Tâm hành giả an trụ trong định không lay động, nhất tâm, an trụ trong tâm của Bồ đề tôn. Nhờ đó, hành giả chuyển thức thành trí, nhận biết bởi do nghiệp của chúng sanh mà cõi này trở nên bất tịnh, còn đối với nhãn quan của chư Phật thì đây chính là Tịnh độ.

Như thế, hành giả Mật tông lấy kết quả làm con đường. Nghĩa là, sau khi nhận được Quán đánh, nhận được ân phước của vị Phật, hành giả thiền quán mình chính là vị Bồ

tôn đó, thấy mình và Bồ đề tôn không khác. Không có sự cách biệt giữa một vị Phật xa xôi với hành giả trong cõi này.

Mật tông lợi dụng tất cả những mong cầu, tham vọng nhất của bản ngã để tu tập. Khi bản ngã đó đã là một vị Phật thì hành giả không còn mong cầu gì nữa ngoài việc thiền quán về vị Phật đó. Nhờ được chín chắn và được gia trì bởi một vị đạo sư chứng đạo, việc quán tưởng của hành giả sẽ hoàn toàn không phải vọng tưởng. Bởi vị thầy của họ đã tu như vậy, chứng như vậy, trong hình thức như vậy và truyền trao tri kiến như vậy, nên đệ tử sẽ vâng theo lời dạy của thầy mà được thành tựu y như vậy, linh ảnh vị Bồ đề tôn giữa thầy và trò hoàn toàn không khác. Dĩ nhiên người học trò phải trải qua thời gian tích lũy công đức, tu hành đúng cách, hành trì miên mật và phải hoàn thiện hết tất cả các pháp môn mà bậc thầy đã chỉ dạy, như thế mới có cơ may tiến tới thành tựu viên mãn.

Khi cung thỉnh Bồ đề tôn từ cõi trí tuệ của ngài đến để cúng dường và tán thán, hành giả phải tu tập theo Thất nguyện Phổ Hiền (trong Thập nguyện Phổ Hiền), gồm: 1. Đánh lễ chư Phật; 2. Cúng dường Tam bảo; 3. Sám hối nghiệp chướng; 4. Tùy hỷ công đức; 5. Cầu Phật chuyển bánh xe chánh pháp; 6. Xin Phật ở đời; 7. Hồi hướng công đức.

Hoàn thiện giai đoạn này, hành giả cần thực hiện pháp này theo đủ túc số Bồ đề tôn, tùy theo điều kiện mà chọn nghi quỹ ngắn hay nghi quỹ dài, và tùy theo pháp tu mà túc số có thể từ 6 triệu, 10 triệu, 32 triệu cho đến 100 triệu lần cho mỗi một câu thần chú của Bồ đề tôn. Theo đó, ở mức thấp nhất, nếu

nhập thất, hành giả phải mất từ 1 cho đến 3 năm. Nếu không nhập thất, có thể cả đời hành giả vẫn không thực hiện đủ túc số. Ở những mức độ cao hơn, nhiều vị thầy đã trải qua gần hết cuộc đời trong chốn núi rừng u tịch mới có thể thành tựu được.

### \* Giai đoạn Hoàn thiện (Dzog-rim)

Thực hiện xong những pháp tu Bốn tôn của giai đoạn phát triển, hành giả sẽ thực hành các pháp tu về kinh mạch và những bài tập thân thể (Tsa-lung - tiếng Tây Tạng; Hathat-yoga - tiếng Ấn) với những thủ ấn của Bốn tôn (thực hành Tsa-lung, Skr: Prana, Nada, Bindu) qua 6 pháp Du-già bí truyền đặc biệt, gồm: 1. Nội hòa (Tumo) - pháp gốc rễ; 2. Huyền thân (Gyulu); 3. Quang minh (Odsel); 4. Chuyển mộng (Milam); 5. Vượt trung âm (Bardo); 6. Chuyển thân thức (Phowa) - nếu hành giả trong đời chưa thành Phật thì có thể thực hiện pháp này để chuyển thân thức về cõi Tịnh độ.

Tiếp theo, hành giả thực hiện những Đại Ấn (Maha mudra), hoặc Đại Toàn thiện (Dzogchen) bởi những pháp tu Du-già bí truyền cao cấp nhất (thông thường là Trekchod và Togal) để nhận biết Tâm Kim cương (Dorje-sem), đạt được Tam thân Phật (Ku-sum). Thành tựu pháp này, hành giả đạt được giác ngộ, tu vô tu tu, chứng vô chứng chứng, tự tại ra vào sanh tử, tự tại tái sanh, tự tại thị hiện và tự tại hóa độ chúng sanh, chứng đắc tập pháp bao la của một vị Phật.

### Thay lời kết

Hầu như bất kỳ Tăng Ni, Phật tử Việt Nam nào trong đời cũng đã từng đọc qua hay từng trì tụng minh chú. Có thể nói, như thế, họ đã bước đầu đến với Mật tông, có duyên với

Mật tông, dù người Tây Tạng vẫn cho rằng trì chú không hẳn đã tu Mật tông, mà tu Mật tông nhất thiết phải đúng pháp như người viết đã trình bày ở trên. Pháp Mật tông Tây Tạng, cho dù khó hành trì theo đúng khuôn mẫu, song ngày nay đã có rất nhiều người Việt trong cũng như ngoài nước đang tha thiết hành trì.

Cơ duyên đã đến với những người mong muốn thực hành Tây Mật khi ngày càng có nhiều vị Lama đến hoằng pháp tại Việt Nam, và cũng không khó để tìm đọc những tác phẩm Mật tông Tây Tạng do đã có rất nhiều bản kinh, sách này đã được dịch sang tiếng Việt. Ở giai đoạn cơ bản, riêng tại Việt Nam, hiện cũng đã có khá nhiều hành giả có khả năng hướng dẫn người khác tu tập. Người tu Mật, nếu có duyên hoàn thành giai đoạn này thôi cũng đã đạt được những lợi ích lớn lao, mà theo lời dạy của ngài Tulku Nyima Rinpoche thì: “Nhìn lại toàn bộ pháp tu dự bị (Ngondro), thầy không thấy có cái gì hơn là như vậy được nữa! Không có cái gì có thể... nhanh chóng hơn là như vậy được nữa! Vậy bây giờ muốn tu các pháp tu dự bị để có cơ may tiếp tục tiến tới thành tựu viên mãn hay là muốn mất thêm mấy đại kiếp nữa?”.

Nếu không đủ cơ duyên thọ lễ Quán đảnh và tu trì theo khuôn mẫu Mật tông Tây Tạng, quý vị vẫn có thể trì niệm một số câu chú để đạt được những lợi ích nhất định. Những câu chú này đã được Đức Dalai Lama khuyến khích (cùng với một vài công năng sơ lược), gồm:

1. *Minh chú Phật: Om muni muni maha muni ye svaha [ôm mu-ni mu-ni ma-ha mu-ni-dê sô-ha] (Thọ nhận năng lực gia trì của*

Phật Tổ).

2. Minh chú ngài Quan Âm Tứ Thủ: *Om mani padme hum [ôm ma-ni pê-mê hung] (Phát triển tâm từ bi).*

3. Minh chú ngài Văn Thù Sư Lợi: *Om wagi shvari mum [ôm wa-ghi sô-ri mâm] (Tăng trưởng trí tuệ).*

4. Minh chú ngài Kim Cang Thủ: *Om vajra pani hum (ôm vai-za pa-ni hum)(...)*

5. Minh chú ngài Quan Âm Độ Mẫu Tara: *Om tare tuttare ture svaha [ôm ta-ra tút-ta-rê tu-rê sô-ha] (Vượt qua các khổ nạn, tăng cường sức khỏe và tuổi thọ).*

6. Minh chú ngài Liên Hoa Sanh: *Om ah hum vajra guru padma siddhi hum [ôm a hung vai-za gu-ru pê-ma si-đi hung] (Tăng phước, tịnh hóa nghiệp chướng và nhận được sự gia trì).*

Kính chúc quý vị Bồ đề tâm kiên cố! h  
Thực hiện bài viết này, người viết đã sử dụng 2 nguồn tư liệu chính (và một số nguồn tư liệu phụ khác):

1. Việt Nam Phật giáo sử luận - Nguyễn Lang (cho phần “Mật tông tại Việt Nam”).

2. Buổi phỏng vấn với thầy Trí Không tại Finôm - Lâm Đồng (chủ yếu cho những phần về TT.Viên Thành và phương pháp hành trì Mật tông Tây Tạng). Xin chân thành cảm ơn các tác giả và ĐĐ.Trí Không (hiện cùng một số Tăng Ni, Phật tử đang tu tập tại Dehradun, Ấn Độ).

## Quảng Kiến

# Hư Hư Lục

## Thích Nữ Như Thủy

### Dải Áo Đút

Xưa, một vị vua Trung Hoa mở dạ tiệc thiết đãi trăm quan. Yên tiệc đang linh đình thì một cơn gió mạnh ập đến, tất cả đèn đuốc đều phụt tắt. Trong bóng tối một cung nữ đến tâu với nhà vua:

- Muôn tâu bệ hạ, thừa dịp tối lửa tắt đèn, một tên vô lại đã cợt nhã với thần thiếp. Thiếp đã bứt được dải áo của hắn... xin bệ hạ cho truy tầm tội phạm ngay lập tức ạ!

Nghe xong vua liền truyền lệnh:

- Hỡi bá quan! Để tỏ dạ trung thành và hết lòng vui say với trẫm đêm nay, các Khanh hãy bứt hết dải áo đi!

Mọi người y lời. Tiệc tan, nàng cung nữ đến nũng nịu trách nhà vua đã không chịu bắt tội phạm mà còn tạo cơ hội cho hắn phi tang.

Nhà vua mỉm cười đáp:

- TỬ SẮC là những điều mà thường nhân khó ai tránh khỏi. Cho ta uống rượu say chiuến choáng, cận kề bên nữ sắc, gặp cơ hội thuận tiện thì chính ngay bản thân trẫm cũng khó mà tự chủ. Còn như biết được tội phạm mà không trừng trị thì phép nước hết nghiêm minh... Lòng trẫm chưa được vô tư như thánh nhân khi biết rõ người phạm lỗi thì thà rằng chẳng biết còn hơn.

Về sau, nhà vua lâm nạn mọi người đều bỏ chạy, duy chỉ có một viên quan trẻ liều mình cứu giá. Nhà vua thoát chết, hỏi tên họ ân nhân. Chàng trẻ tuổi cung kính thưa:

- Muôn tâu thần chính là người bị bứt dải áo trong buổi dạ yến năm xưa.

Hai vua tôi đều xúc động.

# Chiếc iPhone 6 và Phật giáo Việt Nam

Hà Mi



*Nhà sư Thích Thanh Cường đi xe Maybach sử dụng điện thoại Vertu*

Có lẽ ít người nghĩ lại có mối liên hệ trực tiếp giữa chiếc iPhone 6 và Phật giáo Việt Nam nếu không có những bức ảnh tự đăng trên Facebook của sư thầy Thích Thanh Cường chụp với chiếc điện thoại iPhone 6 và sau đó là điện thoại Vertu có giá trị trên 600 triệu đồng.

Vụ việc đã gây xôn xao dư luận về hình ảnh của giới tăng ni và hiện trạng Phật giáo Việt Nam thời hiện đại.

Trả lời BBC Việt Ngữ, Thượng tọa Thích Đức Thiện, Tổng thư ký Hội đồng trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN), cho biết việc đại đức Thích Thanh Cường, trụ trì chùa Cương Xá, Hải Dương đưa những bức ảnh đó lên Facebook là đi ngược lại đường lối tu hành hiện nay của Phật giáo Việt Nam.

Việc làm này đã bị nhiều người lên tiếng phê phán và nó làm ảnh hưởng đến hình ảnh và uy tín của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, ông nói.

Tuy nhiên, Thượng tọa Thích Đức Thiện nói thêm:

"Suy nghĩ và hành động của thầy Cường không đại diện cho đường lối tu hành ở Việt Nam, vì thế chính các tăng ni Phật tử cũng đã có phản ứng."

Được biết Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Hải Dương nay đã quyết định sẽ bãi miễn cương vị Trưởng Ban Trị sự Phật giáo huyện Tứ Kỳ nhưng tiếp tục để Đại đức Thích Thanh Cường giữ chức trụ trì chùa Cương Xá.

"Vụ việc này cũng là một lời cảnh báo đối với Giáo hội của chúng tôi trước một hiện tượng xã hội mà chúng ta cũng cần đề cập đến," Thượng tọa Thích Đức Thiện nói.

## 'Hình ảnh tăng ni bị méo mó'

Theo Thượng tọa Thích Đức Thiện thì thầy Thích Thanh Cường không phải là chủ nhân của những chiếc điện thoại đắt tiền đó, hay không đi ô tô sang trọng nhưng ý kiến một vài Phật tử khi được hỏi về vụ việc vẫn có ý phê phán.

Họ không phản đối các tăng ni sử dụng các phương tiện tân tiến trong một xã hội hiện đại, nhưng việc một người tu hành dường như khoe khoang các vật dụng xa xỉ đi ngược với giáo lý của Đạo Phật, đó là không màng tới của cải vật chất.

Chính điều đó đã gây phản cảm trong công luận và khiến nhiều người đặt câu hỏi về giới tăng ni Việt Nam thời hiện đại.

Một nhà nghiên cứu văn hóa có tiếng tại Việt Nam nói với BBC Việt Ngữ với điều kiện ẩn danh rằng người chân tu ở Việt Nam có lẽ còn rất ít và liệu có thể giữ gìn được tinh thần của Đạo Phật hay không là điều đáng lo ngại nhất hiện nay.

Theo ông, các sư sãi ngày nay "trình độ thì không có và hình ảnh nhà sư nói chung đã bị méo mó mất rồi".

Ông giải thích đó là vì "ai muốn vào chùa cũng được, ai muốn mở chùa cũng được", và "thậm chí sư thành cái nghề, có trường hợp thanh niên 18-20 tuổi không có nghề thì vào chùa đi tu", và như vậy đã làm mất hết ý nghĩa của người tu hành, của Đạo Phật.

Ý kiến này cũng được một học giả chuyên nghiên cứu về tôn giáo tại Việt Nam đồng tình.

Theo nhà nghiên cứu tôn giáo thì "tại Việt Nam hiện nay, phẩm chất Phật giáo trong một bộ phận nào đó đã đánh mất niềm tin của quần chúng".

Nó khiến người dân đặt câu hỏi liệu có phải họ thực sự đang tu thân không, hay "việc tu hành được dùng làm phương tiện để đạt được những điều mà họ mong muốn. Và đó là một điều rất dở," ông nói.

## Khác biệt Nam Bắc

Tuy nhiên ông cũng nhấn mạnh rằng có sự khác biệt giữa Phật giáo ở miền Nam và ở miền Bắc.

Ông cho biết trên phương diện tu hành thì "Phật giáo miền Nam có khá hơn so với miền Bắc".

Theo ông, "một bộ phận của Phật giáo miền Bắc thực sự không tu hành mà sống cuộc sống nhiều khi còn thô tục hơn cả đời thường."

Trong con mắt của người dân thì niềm tin, sự tín nhiệm đối với Phật giáo đã mất đi rất nhiều, ông nói.

Tuy không phải không còn những người chân tu ở miền Bắc, và một số ít chùa vẫn giữ được nếp xưa, nhưng tình trạng dung tục hóa do đời sống trần tục thì ở miền Bắc thể hiện rõ hơn.

Ông cho biết đã từng sống với một số trong giới tăng lữ ở phía Nam và thấy rằng ở một số nơi họ vẫn còn giữ được nền nếp của Đạo Phật.

"Ngoài Bắc, ở chùa chiền tại các làng đơn lẻ, có thể nói là thực sự không có ai kiểm soát,

muốn làm gì thì làm, và nhiều người dân nay bắt đầu kêu về tình trạng các vị sư tại các chùa này sống trần tục quá.

"Họ đã lợi dụng lòng tin của dân và khía cạnh trục lợi thấy rõ hơn ở miền Bắc. Còn ở miền Nam, tuy có những nơi cũng bị biến dạng, nhưng không khí tu hành còn thể hiện tương đối rõ," nhà nghiên cứu về tôn giáo nói.

Tiến sĩ dân tộc học Nguyễn Văn Huy từ Paris chia sẻ nhận định này.

"Do thiếu sách báo viết về Phật học, trình độ thuyết pháp của những vị sư ở thành thị và thôn quê rất là chênh lệch và nghi thức phụng pháp giữa hai vùng cũng hoàn toàn khác nhau," tiến sĩ Nguyễn Văn Huy viết trong bài "Phật giáo Việt Nam và hai giáo hội".

Khi được hỏi nguyên nhân của sự khác biệt này, nhà nghiên cứu tôn giáo nói: "Có rất nhiều căn nguyên. Có căn nguyên về đời sống, căn nguyên về thái độ chính trị của họ."

Và đây cũng là điều nhà văn hóa từ Hà Nội có chung quan điểm.

Cả hai ông cho rằng Đạo Phật ở Việt Nam đã bị chính trị hóa và đây cũng là điều những người trong giới nghiên cứu muốn nhắc nhở các chính trị gia về "xu hướng rất đáng lo" này, vì "nó làm mất đi cái đẹp thực sự của Phật giáo trước đây".

### Quản lý và Minh bạch

Thêm vào đó, hai ông cùng có chung nhận xét rằng ngoài chuyện một số người trục lợi về mặt tiền bạc thì còn có tình trạng trục lợi

về cả những phương diện khác, và cho rằng "đây là một xu hướng thiếu lành mạnh".

Trong bối cảnh việc đi lễ chùa chiến ngày một phát triển, con số người đi lễ nhiều hơn rất nhiều so với những năm trước đây, tiền công đức của các Phật tử cúng vào chùa tăng lên đáng kể, nó đã đặt ra câu hỏi liệu việc quản lý chi tiêu cho các sinh hoạt hàng ngày của sư sãi trong chùa và cho việc xây dựng Tam bảo, làm từ thiện đang được quản lý như thế nào.

Thượng tọa Thích Đức Thiện cho biết "hiện chưa có những quy định rõ ràng phải công khai, khai báo về tiền công đức", tuy nhiên ở tất cả các chùa Việt Nam, các cộng đồng xã hội, tức là các Phật tử địa phương tham gia quản lý và "việc thu nhập hay chi tiêu được thể hiện rõ ràng và công khai."

Thế nhưng vụ việc tại chùa Bồ Đề mới đây đã khiến dư luận đặt câu hỏi liệu việc giám sát của Giáo hội Phật giáo Việt Nam đối với các hoạt động của các chùa và tăng ni ở Việt Nam ra sao.

Khi được hỏi về vấn đề này, Thượng tọa Thích Đức Thiện nói: "Qua vụ việc ở chùa Bồ Đề, Giáo hội Phật giáo Việt Nam cũng nhận thấy việc quản lý lỏng lẻo ở các cơ sở từ thiện xã hội.

"Trình độ quản lý của các nhà sư còn hạn chế nên dễ xảy ra hiện tượng chính những người được nhà chùa cử mang làm ảnh hưởng."

Thượng tọa Thích Đức Thiện cho biết Giáo hội Phật giáo Việt Nam muốn "duy trì hình ảnh các tăng ni với những chiếc áo nâu sồng hay áo vàng thanh bạch, không màng tới đời

sống vật chất trong bối cảnh xã hội phát triển ngày một hiện đại và đời sống ngày càng cao hơn".

Để thực hiện điều đó, GHPGVN đã có quy định về nội quy của Ban Tăng sự để quản lý tăng ni trong toàn quốc.

"Hòa nhập chứ không hòa tan và vẫn phải giữ cốt cách của đạo, giữ được sự thanh bạch trước xã hội vật chất vì trong đạo Phật vật chất chỉ là phương tiện thôi," Thượng tọa Thích Đức Thiện nói.

### 'Thiếu cơ quan lãnh đạo toàn quốc'

Tuy nhiên theo cả nhà văn hóa và nhà nghiên cứu về tôn giáo không muốn được nêu tên thì những người có vai trò lãnh đạo trong các tổ chức Phật giáo cũng biết về tình trạng Phật giáo Việt Nam hiện nay nhưng "họ cũng không thể làm gì được.

Cả hai ông cho rằng bên Phật giáo có phần nào không được "ngghiêm khắc và có trên có dưới" như bên Thiên Chúa giáo và nhìn chung Phật giáo Việt Nam khá phức tạp.

Một thực tế là ngoài Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) có trụ sở tại Hà Nội và là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, thì còn có một tổ chức Phật giáo khác ở phía Nam, Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất (GHPGVNTN), không chịu sự quản lý của GHPGVN và hiện chưa được nhà nước Việt Nam công nhận.

Theo Tiến sĩ Nguyễn Văn Huy thì ở Việt Nam hiện nay thiếu một cơ quan lãnh đạo Phật giáo toàn quốc.

Chính vì "không có một cơ quan Phật học chủ đạo để đào tạo giới tăng lữ nên ai cũng

có quyền đi tu và có thể trở thành tăng sĩ, tăng sĩ nào có công xây chùa thì được trụ trì tại chùa đó," tiến sĩ Nguyễn Văn Huy viết.

Các học giả cho rằng ở Việt Nam có tình trạng là trong rất nhiều lĩnh vực, giới lãnh đạo cũng đều nhìn thấy vấn đề, nhưng họ không tìm được cách khắc phục và điều đó khiến nó trở thành "gần như một sự bế tắc và bất lực", nhà nghiên cứu tôn giáo kết luận.

## Người Đưa Tin

### Cơ quan của Hội Luật Gia Việt Nam

Chiều nay 2/10/2014, Ban trị sự, Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Hải Dương đã họp kiểm điểm sư thầy Thích Thanh Cường, Trưởng Ban trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Tứ Kỳ, Trụ trì chùa Cương Xá (xã Tân Hưng, TP.Hải Dương), do đã đăng tải hình ảnh đập hộp iPhone 6 và lời bình khi dùng điện thoại Vertu 60 triệu đồng trên Facebook cá nhân.

Cuộc họp kiểm điểm có sự tham gia của sư thầy Thích Thanh Cường, song báo chí không được tham dự.

Sau cuộc họp báo, Thượng tọa Thích Quảng Tùng, Trưởng ban trị sự, Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Hải Dương đã công bố kết luận về xử họp kiểm điểm sư thầy Thích Thanh Cường. Theo đó, sư thầy Thích Thanh Cường phải làm kiểm điểm và không bị bãi miễn chức vụ Trưởng ban trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Tứ Kỳ và vẫn làm Trụ trì chùa Cương Xá.

### Về bài đăng báo Phật Học

Ban Biên Tập hoan nghênh quý độc giả viết bài cho Nguyệt San Phật Học, xin được lưu ý những điểm sau đây :

- ◆ Bài viết về giáo lý hay thơ, văn, nhạc mang chứa nội dung Chân, Thiện, Mỹ theo tinh thần Phật Giáo, có ích cho sự tu học.
- ◆ Bài gửi đăng báo Phật Học, tác giả có thể viết tay hay đánh máy.
- ◆ Bài được đăng báo hay không, xin miễn trả lại bản thảo.
- ◆ Tác giả dùng bút hiệu, xin ghi rõ họ, tên, địa chỉ để dễ liên lạc nếu cần.
- ◆ Tôn trọng tác giả, Ban Biên Tập không sửa chữa hành văn trừ khi tác giả cho phép. Ban Biên Tập có thể sửa lỗi chánh tả hoặc đánh máy bị sai.

Ban Biên Tập  
Nguyệt San Phật Học



HỘ PHÁP

Phật Học Inc  
7913 Rochelle Road  
Louisville, KY 40228-2379

NON-PROFIT ORG.  
U.S. POSTAGE PAID  
LOUISVILLE, KY  
PERMIT NO. 368

To: